

8
INDO-CHINOIS

232

VIỆT-NAM TIỂU-HỌC TÙNG THƯ

Ban Tu-thư

(do nghị-định quan Toàn-quyền Đông-Pháp ngày 14 Octobre 1924 đặt ra)

soạn

LUÂN - LÝ
GIÁO-KHOA THƯ

LỚP ĐỒNG-ẤU

DEPOT LEGAL
INDOCHINE

N^o 4416

In lần thứ nhất



NHA HỌC-CHÍNH ĐÔNG-PHÁP

XUẤT BẢN

1925

Giá Nhà-nước định bán sách này là: 0\$05

COLLECTION DES LIVRES CLASSIQUES

A L'USAGE DES ÉCOLES ÉLÉMENTAIRES INDIGÈNES


Rédigés par

la Commission d'élaboration des Manuels scolaires et des Tableaux
muraux instituée par arrêté du Gouverneur Général


en date du 14 Octobre 1924

MANUEL DE MORALE

COURS ENFANTIN



PREMIÈRE ÉDITION



PUBLIÉ PAR

La Direction de l'Instruction Publique en Indochine

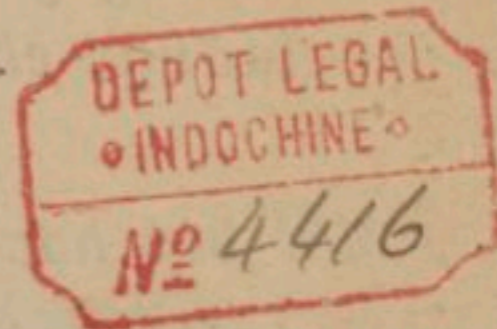
1925

Le prix de cession par l'Administration est de 0\$04

VIỆT-NAM TIỂU-HỌC TÙNG THƯ

Ban Tu-thư

(do nghị-định quan Toàn-quyền Đông-Pháp ngày 14 octobre 1924 đặt ra)



LUÂN-LÝ GIÁO-KHOA THƯ

LỚP ĐỒNG-ẤU

In lần thứ nhất

S. Ind. Ch.



232

NHA HỌC-CHÍNH ĐÔNG-PHÁP

XUẤT BẢN

1925

TỰA

Sách Luân-lý này (này) làm theo chương-trình lớp Đồng-ấu các trường Sơ-đẳng.

Trong sách có ba chương. Chương thứ nhất nói về bổn-phận của đứa trẻ trong gia-đình; chương thứ nhì nói về bổn-phận của đứa trẻ ở học-đường; chương thứ ba nói về những tính tốt, tính xấu của đứa trẻ.

Mỗi bài học có năm phần:

1° — Một câu đại-cương về bài học;

2° — Một bài tiểu dẫn lấy những chuyện thật mà giải cho rõ nghĩa những câu đại-cương ở trên;

3° — Một cái tranh vẽ;

4° — Một vài chữ khó, cần phải giải nghĩa và những câu hỏi về bài tiểu dẫn;

5° — Một câu cách-ngôn tóm cả ý trong bài học.

Đây là những phần cốt-yếu. Nhưng khi dạy, ông thầy có thể giảng-giải cho rộng thêm ra, hoặc mình tìm lấy, hoặc bảo học-trò tìm những câu thí-dụ khác, cốt cho học-trò hiểu rõ ý nghĩa trong bài.

Những câu đại-cương trên đầu bài, là bao-quát cả những cái ý chung. Nhưng muốn cho thâm-nhập vào tâm não trẻ, ông thầy phải tìm kiếm những việc thiết dụng hằng ngày, quan-hệ về cương-thường đạo-lý, nhất là về gia-tộc luân-lý, mà giảng-giải cho trẻ nghe.

Những câu cách-ngôn thường là những câu phương-ngôn tục-ngữ, lời ít mà tứ nhiều, ông thầy lại càng phải giải nghĩa cho rõ lắm.

Nói rút lại, bất cứ dạy những bổn-phận đối với gia-tộc hay đối với học-đường, ông thầy phải giảng-giải cho minh bạch và kỹ-càng mà dạy cho trẻ biết rằng các bổn-phận ấy tuy chia ra như thế, nhưng thật có liên-lạc với nhau: Đứa con có hiếu trong nhà, ra trường tất là đứa học-trò tốt, ra đường tất là đứa bé nết na.

CHÚ CƯỚC. — Trong sách này (này) những tiếng đứng giữa ngoặc đơn là tiếng Trung-kỳ; những tiếng có số ở dưới trang là tiếng Nam-kỳ.

BỒN-PHẬN ĐÔI VỚI GIA-TỘC

1. — Gia-tộc.

Người ta ai cũng có gia-tộc, nghĩa là có ông bà, cha mẹ, chú bác, cô dì, anh em, chị em. Ta khôn lớn lên, ta học tập được thành người, cũng là nhờ có gia-tộc.

TIỂU DẪN. — Một gia-tộc.



Cha mẹ con cái.

Nhà tôi có ông bà, cha mẹ, anh em và chị em tôi.
 Cha tôi thì đi làm để nuôi cả nhà. Mẹ tôi thì trông nom⁽¹⁾ dạy bảo chúng tôi, và coi-sóc mọi việc trong nhà. Chúng tôi lúc nào cũng nết-na để bảo, để cho ông bà, cha mẹ được vui lòng.
 Kể cả người trong họ thì còn có chú bác, cô dì, anh em chị em họ, là những người cùng máu mủ với tôi.

Câu hỏi. — Nhà anh có những ai? — Cha làm gì? — Mẹ làm gì? — Các anh làm gì? — Trong họ có những ai?

CÁCH-NGÔN. — *Con có cha như nhà có nóc.*

(1) coi-sóc.

Cha mẹ hết lòng yêu mền con, lúc nào cũng lo tính cho con được sung-sướng. Vậy kẻ làm con phải hết lòng yêu mền cha mẹ.

TIỂU DẪN. — Một đứa con biết yêu mẹ.



Tí bóp đầu cho mẹ.

Tí lên sáu tuổi, tính rất ham chơi. Một hôm, nó đang vui chơi với lũ trẻ, thấy mẹ kêu nhức đầu, lên giường nằm. Nó thôi, không chơi nữa, chạy ngay lại sờ⁽¹⁾ trán mẹ mà hỏi rằng: «Mẹ làm sao thế? — Mẹ nhức đầu lắm. — Để con bóp đầu cho mẹ chóng khỏi, nhé!» Nó vừa nói, vừa trèo lên giường, ngồi bóp đầu cho mẹ.

Câu hỏi. — Sao Tí đang chơi với lũ trẻ lại thôi không chơi nữa? — Nó chạy đi đâu? — Nó bảo mẹ nó thế nào? — Rồi nó làm gì?

CÁCH-NGÔN. — *Dạy con con chớ quên lời,*

Mến yêu cha mẹ suốt đời mới nên.

(1) sờ.

3. — Kính trọng cha mẹ.

5

Con mà yêu mến cha mẹ, thì bao giờ cũng kính trọng cha mẹ. Kính trọng nghĩa là ăn ở có lễ phép, và lúc nào cũng ngoan ngoãn⁽¹⁾ từ-tôn, gọi⁽²⁾ dạ bảo vâng.

TIỂU DẪN. — Đứa bé ngoan.



Hội đứng hầu cha mẹ.

Hội lấy còn bé mà đã biết ăn ở như người lớn. Cha mẹ yêu nó và chiều nó lắm, vì chỉ có một mình nó mà thôi. Tuy vậy mà nó chẳng hề dám làm nũng bao giờ.

Khi cha mẹ hỏi-han gì, nó trả lời rất cung-kính; sai bảo gì, nó vui lòng làm ngay⁽³⁾.

Hội là một đứa bé có lễ phép, ai cũng yêu mến.

Câu hỏi. — Hội là đứa bé thế nào? — Khi cha mẹ hỏi, nó trả lời làm sao? — Khi sai bảo nó, thì nó thế nào?

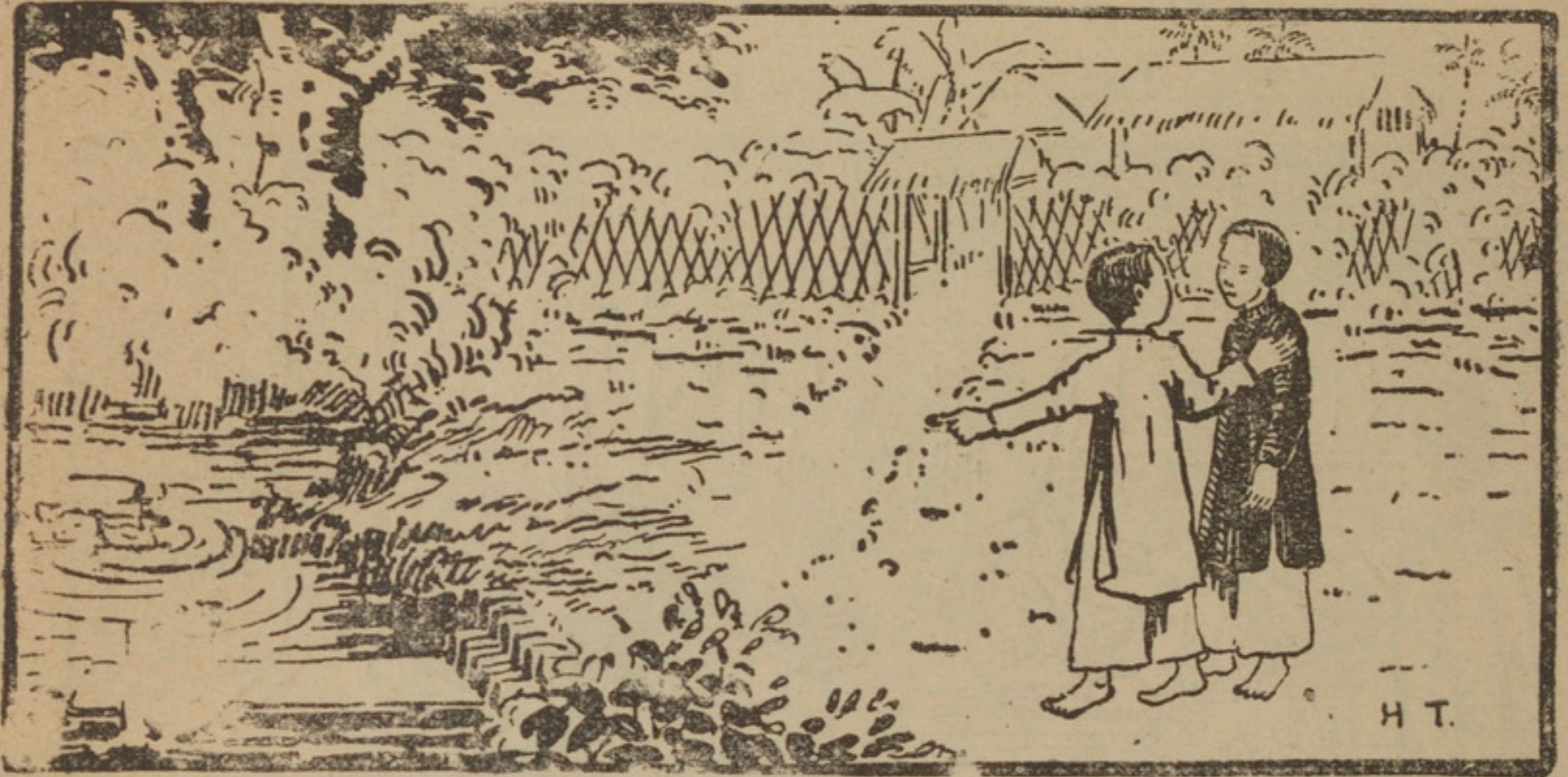
CÁCH-NGÔN. — *Chờ cha kính mẹ ấy là người ngoan.*

(1) nết-na — (2) kêu — (3) liền.

4. — Vâng lời cha mẹ.

Cha mẹ là người đã trải việc đời, biết rõ điều⁽¹⁾ hơn lẽ thiệt. Vậy cha mẹ có dặn bảo điều gì, ta phải vâng lời.

TIÊU DẪN. — Đứa bé biết vâng lời.



Bình rủ Đinh ra ao chơi.

Bình và Đinh dắt (dắt) nhau đi chơi. Bình muốn ra chơi ở gần bờ ao, rủ Đinh cùng đi.

Đinh nói: Cha mẹ tôi vẫn bảo tôi rằng: trẻ con không nên chơi gần bờ ao, vì lỡ trượt⁽²⁾ chân ngã (bỏ)⁽³⁾ xuống ao, thì ướt cả quần áo, và có khi chêt đuôi. — Bình nói: Anh cứ ra chơi với tôi, cha mẹ anh đi vắng, biết đâu mà sợ. — Đinh lắc đầu nói: cha mẹ tôi đã dặn câu gì, thì lúc vắng mặt cũng như có mặt, tôi chẳng dám sai lời.

Câu hỏi. — Bình và Đinh làm gì? — Bình rủ Đinh đi đâu? — Sao Đinh không đi?

CÁCH-NGÔN. — *Cá chẳng ăn muối cá won,*

Con cương cha mẹ trăm đường con hư.

(1) đều — (2) trượt — (3) té.

Cha mẹ nuôi con, công-trình khó nhọc, kể sao cho xiết.
 Vậy phận làm con phải biết đến ơn cha mẹ.

TIỂU DẪN. — Một đứa bé (1) có hiếu.



Thầy hỏi Mão : « Con nghĩ gì ? »

Một hôm, Mão đi học coi bộ buồn-rầu lắm; đến giờ chơi, cứ đứng một chỗ, anh em chơi đùa (2) cũng mặc. Thấy lây làm lạ, mới hỏi: « Con nghĩ gì mà thừ (3) người ra thế? — Thưa thầy, sáng hôm nay mẹ con ở nhà ngã (4) đau lắm, không đi chợ được, nên con buồn ».

Thầy ngoảnh lại bảo các học-trò đứng xung-quanh vây rằng: Các anh nghe đây, Mão từng này tuổi mà đã biết thương cha mẹ như vậy, thật là đứa bé (1) có hiếu.

Câu hỏi. — Mão là đứa bé thế nào? — Một hôm làm sao mà nó buồn? — Thầy giáo hỏi nó thế nào? — Nó trả lời làm sao? — Thầy bảo các học-trò thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Công cha như núi Thái-sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

(1) nhỏ — (2) trờng -- (3) đờ — (4) tó.

6. — Giúp đỡ cha mẹ.

Ta còn ít tuổi, chưa làm được công việc nặng-nê, nhưng cũng nên giúp đỡ cha mẹ để cha mẹ được vui lòng.

TIÊU DẪN. — Bé (1) làm việc nhẹ.



Dần đang quét sân.

Cha anh Dần làm nghề thợ mộc, mẹ anh đi chợ bán hàng. Ngày nào cũng sáng sớm đi, đến tối mịt mới về. Anh thấy cha mẹ phải làm ăn vất-vả như thế, mà anh thì chẳng đỡ-dần được việc gì, trong bụng lầy làm áy-náy. Nên sáng nào anh cũng dậy sớm, trước khi đi học, thì lầy chổi quét nhà, và làm những việc nhẹ để giúp đỡ cha mẹ.

Câu hỏi. — Cha mẹ anh Dần làm nghề gì? — Sao anh Dần lầy làm áy-náy? — Anh làm những việc gì?

CÁCH-NGÔN. — *Làm con sớm tối phải đỡ dần cha mẹ.*

(1) nhỏ.

Làm con phải lây bụng thật-thà ngay thẳng mà ở với cha mẹ. Hoặc khi có lầm lỗi điều gì, cũng không được giả dôi.

TIÊU DẪN. — Thú tội.

Một hôm cha mẹ đi vắng, cậu Giáp ở nhà chơi đùa (1) với lũ trẻ, đánh vỡ một cái bát cổ (2).

Khi mẹ về, thấy thế, giận lắm, hỏi: «Đứa nào đánh vỡ cái bát này đây?» — Cậu Giáp run sợ, nhưng đánh bạo nói rằng: «Lạy mẹ, con trót dại, lỡ tay đánh vỡ, xin mẹ tha cho con.» Mẹ khoan thai bảo: «Con chơi nghịch dại thế, làm hại mất cái bát quý của mẹ. Đáng lẽ thì con phải đòn, nhưng đã biết thú thật, thì mẹ tha cho. Từ rày phải có ý-tức.»

Câu hỏi. — Cậu Giáp đánh vỡ cái gì? — Mẹ về thấy thế, hỏi sao? — Cậu Giáp trả lời thế nào? — Sao mẹ không đánh cậu Giáp?



Đứa nào đánh vỡ cái bát này?

CÁCH-NGÔN. — *Có lỗi thì phải thú thật.*

(1) trờng — (2) tô xua.

Anh em, chị em trong nhà, nên hòa-thuận và nhường-nhịn lẫn nhau, chớ nên tranh-giành, cãi-cộ nhau để cho cha mẹ phải phiền lòng.



Ông Bá đưa bánh cho các con.

TIÊU DẪN. — Nhường lẫn nhau.

Nhà ông Bá được một gái là Lan và hai trai là Giáp và Ất.

Một hôm, có nhà hàng xóm đem cho hai cái bánh. Ông Bá đưa cho ba con, bảo chia nhau mà ăn. Lan nói: chị hơn tuổi, chị không ăn, để mỗi em một cái, khỏi phải cắt ra mà chia. Ất nói: em bé nhất, em xin nhường cho chị và anh. Giáp nói: chị lớn hơn thì phần chị một cái, và một cái thì phần Ất, vì nó là em bé nhất. Còn tôi thì lần sau tôi hãy ăn cũng được. Ba chị em cứ nhường nhau mãi. Cha thấy vậy, lấy làm vui lòng mà bảo rằng: « Các con nhường nhịn nhau là phải, nhưng cứ thế mãi thì làm thế nào⁽¹⁾? Thôi, đưa đây thầy chia cho ». Nói đoạn, người cha lấy bánh chia làm ba phần rồi đưa cho ba con.

Câu hỏi. — Một hôm, nhà hàng xóm đem cho ông Bá cái gì? — Ông đưa bánh cho ai? — Ba chị em nhường nhau thế nào? — Rồi sau làm sao?

CÁCH-NGÔN. — *Anh em như thế tay chân.*

(1) sao.

Ông bà yêu cháu chẳng khác gì cha mẹ yêu con. Vậy cháu nên phải kính mến ông bà cũng như cha mẹ.

TIỂU DẪN. — Đưa cháu ngoan (giỏi) (1).



Ngọ bung nước hầu ông bà.

Ông bà anh Ngọ đã già: ông thì đầu râu tóc bạc, bà thì răng rụng lưng còng (còm). Cha mẹ anh Ngọ ngày ngày ra đồng làm ruộng, chỉ có anh ở nhà với ông bà.

Anh rất yêu mến và kính trọng ông bà, nên lúc nào anh cũng chơi quanh quẩn ở nhà. Trẻ con hàng xóm đến rủ anh đi chơi, anh cũng không đi.

Mỗi khi ông bà gọi, thì anh dạ mà chạy ngay (2) đến. Anh chăm-chì hầu-hạ, nào lấy kính (gương) để ông xem sách, nào lấy còi (3) để bà giã (xáy) trấu. Anh hầu-hạ được việc gì, thì trong bụng lấy làm vui-vẻ lắm.

Câu hỏi. — Ngọ ở nhà với ai? — Sao trẻ rủ đi chơi, Ngọ không đi? — Ngọ kính mến ông bà thế nào?

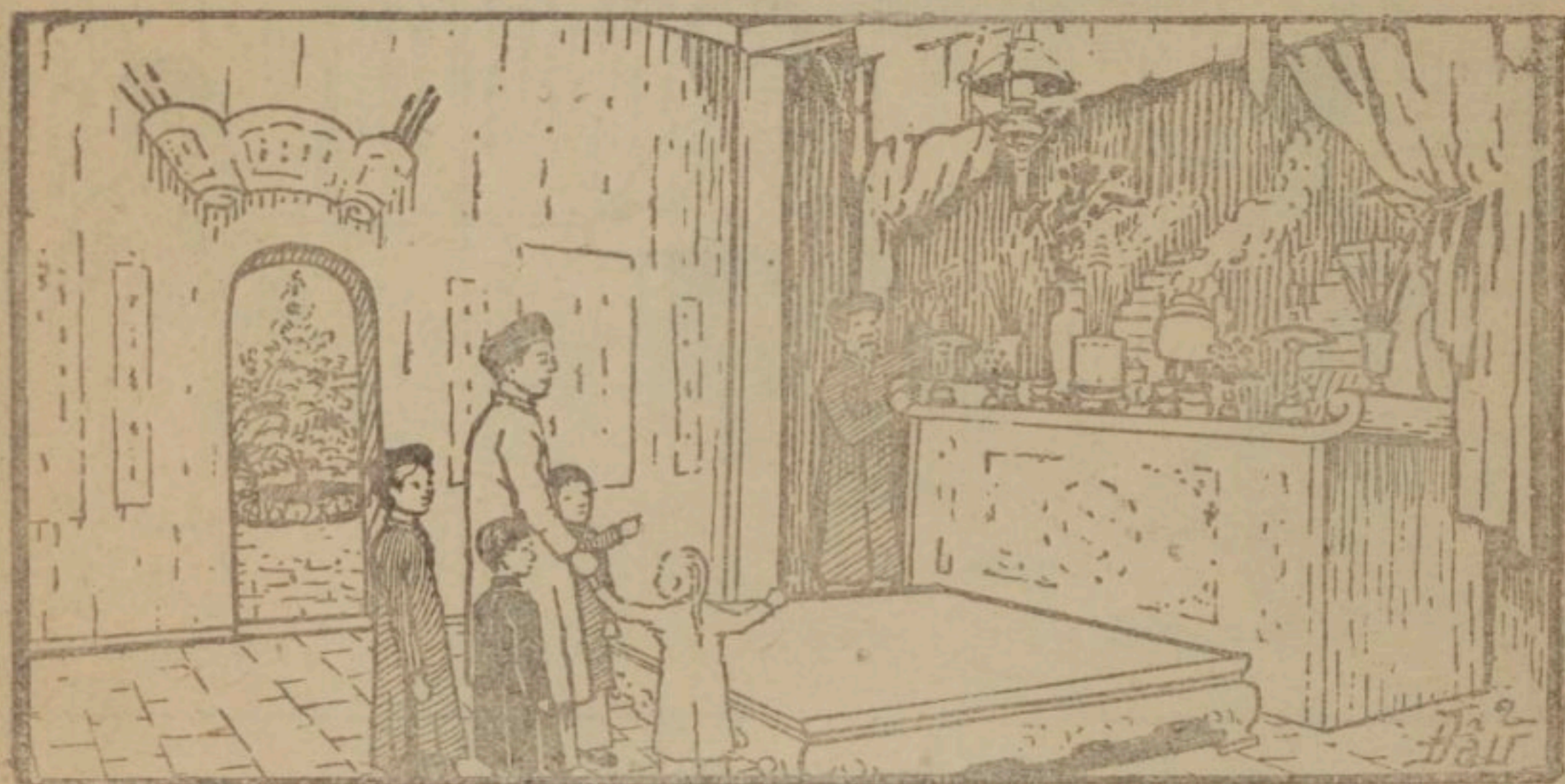
CÁCH-NGÔN. — *Có ông bà mới có cha mẹ.*

(1) nét-na — (2) liền — (3) ống ngoáy.

10. — Thờ phụng tổ-tiên.

Tổ-tiên là những bậc sinh ra ông bà cha mẹ mình. Vậy mình là dòng-dõi của tổ-tiên, phải thờ phụng tổ-tiên để tỏ lòng nhớ ơn.

TIÊU DẪN. — Nhà thờ ông vải.



Ông Lý đem con đến lễ nhà thờ.

Ngày tết nguyên-đán, mọi người trong họ đều đến nhà thờ để lễ tổ.

Hôm ấy, ông Lý và các con cũng đi lễ tổ. Khi đến nhà thờ, ông Lý giảng cho các con nghe rằng: « Đây là nhà thờ của họ ta, để thờ cúng tổ-tiên, vậy nay nhân ngày mừng một tết, chúng ta là cháu chắt, phải đến lễ, để tỏ lòng kính nhớ. »

Câu hỏi. — Ngày tết, người trong họ đi đâu? — Ông Lý giảng cho các con nghe thế nào?

CÁCH-NGÔN. — *Chim tìm tổ⁽¹⁾, người tìm tông.*

(1) ð.

Đôi với mọi người trong họ, bất cứ xa gần hay nội ngoại, ta phải ăn ở cho có tình thân ái, chớ nên chênh-mảng⁽¹⁾ thờ-ơ⁽²⁾ như người đưng nước lã.

TIÊU DẪN. — Một tập tranh.

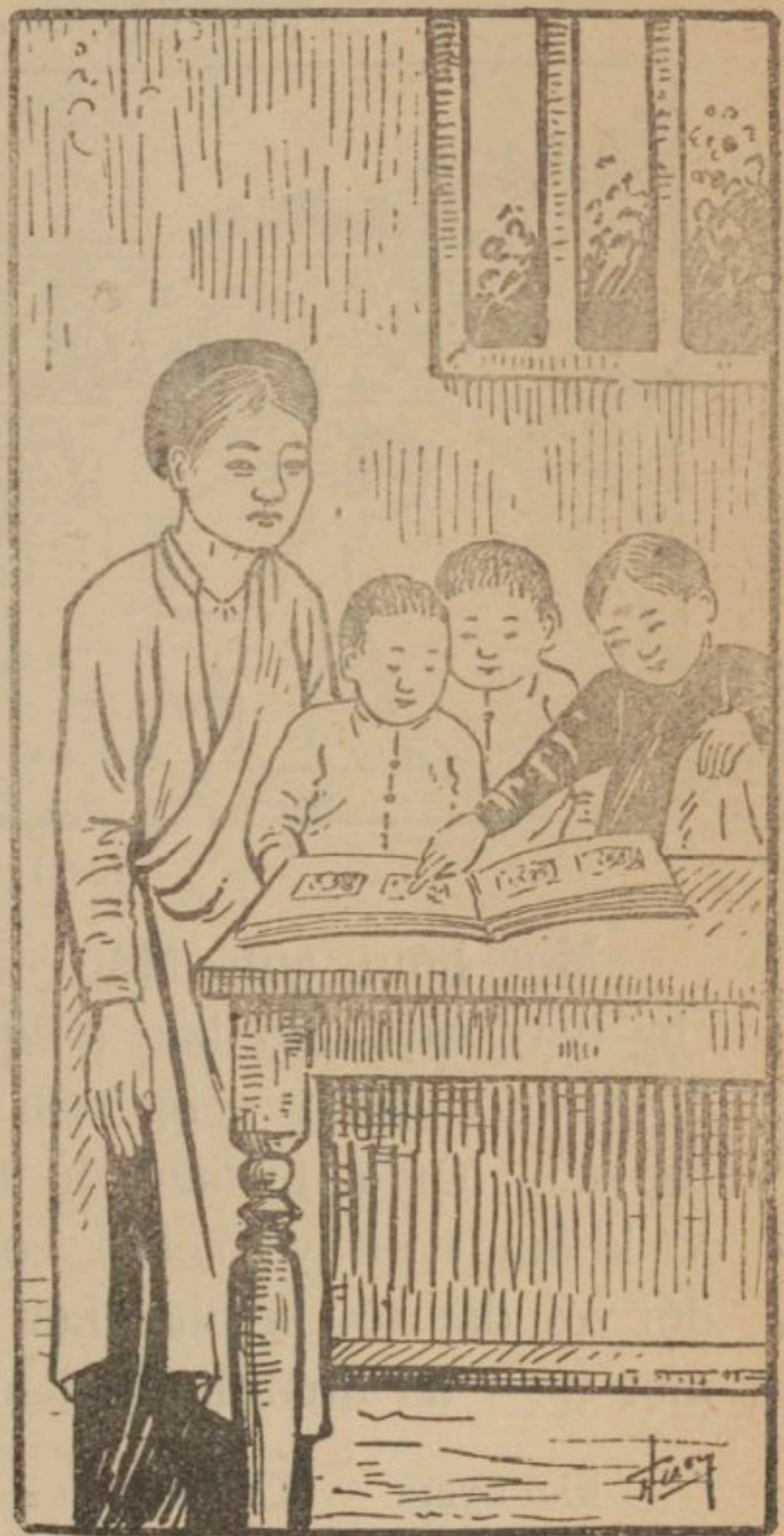
Thìn đang giở tập tranh ra xem, thầy Xuân và Hạ là em họ đến chơi, vội-vàng cất ngay⁽³⁾ vào trong tráp.

Mẹ anh Thìn trông thấy, bảo rằng: « Con không nên thê⁽⁴⁾, lấy tranh ra cho Xuân và Hạ cùng xem. Anh em trong họ với nhau, mà có mấy tờ tranh cũng giàu, không cho nhau xem, thê chẳng hóa ra lại tệ hơn người ngoài hay sao.»

Thìn vâng lời mẹ, lấy ngay⁽³⁾ tranh ra cho Xuân và Hạ xem.

Giải nghĩa — Nội = họ nội tức là họ về bên cha. — Ngoại = họ ngoại tức là họ về bên mẹ.

Câu hỏi. — Thìn đang làm gì? — Thấy hai em họ đến chơi thì làm thế nào? — Mẹ trông thấy bảo sao? — Thìn vâng lời mẹ rồi làm gì?



Thìn giở tranh cho em họ xem.

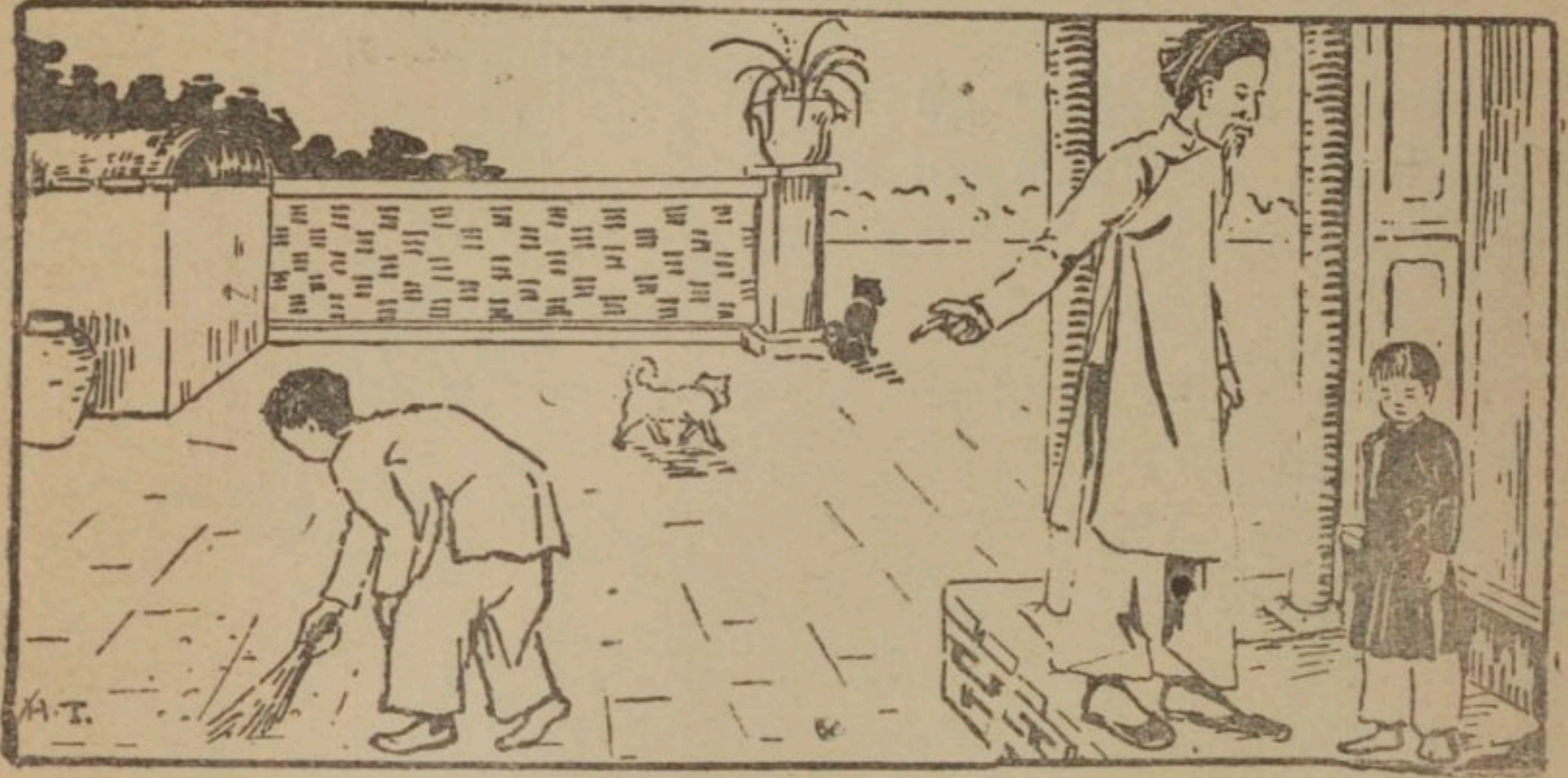
CÁCH-NGÓN. — Một giọt máu đào hơn ao nước lã.

(1) lờ-là — (2) lạc-lẻo — (3) liền — (4) vậy.

12. — Tới-tớ trong nhà.

Tới-tớ ở với mình, giúp công việc cho mình, cũng như người nhà mình. Mình phải lấy bụng khoan hòa, nhân ái, công bằng mà xử với tới-tớ.

TIÊU DẪN. — Cách đối-dãi tới-tớ.



Người cha mắng anh Mậu.

Một hôm, anh Mậu đang quét mắng⁽¹⁾ đầy tớ, người cha thấy vậy, mới bảo rằng: «Kẻ đầy tớ ở với ta, giúp ta được bao nhiêu công việc: nào quét nhà, gánh nước, nào chẻ củi, nấu cơm, làm đủ mọi việc, thật là vất-và khó nhọc. Ví không có đầy tớ, liệu con có làm lây được không? Vậy đối với đầy tớ, ta phải nên ăn ở cho có lượng, đừng có hơi một tí⁽²⁾ đã quát-tháo⁽¹⁾ lên như thế.»

Giải nghĩa. — *Khoan hòa* = bụng rộng-rãi. — *Nhân ái* = hiền lành. — *Có lượng* = có bụng thương kẻ dưới.

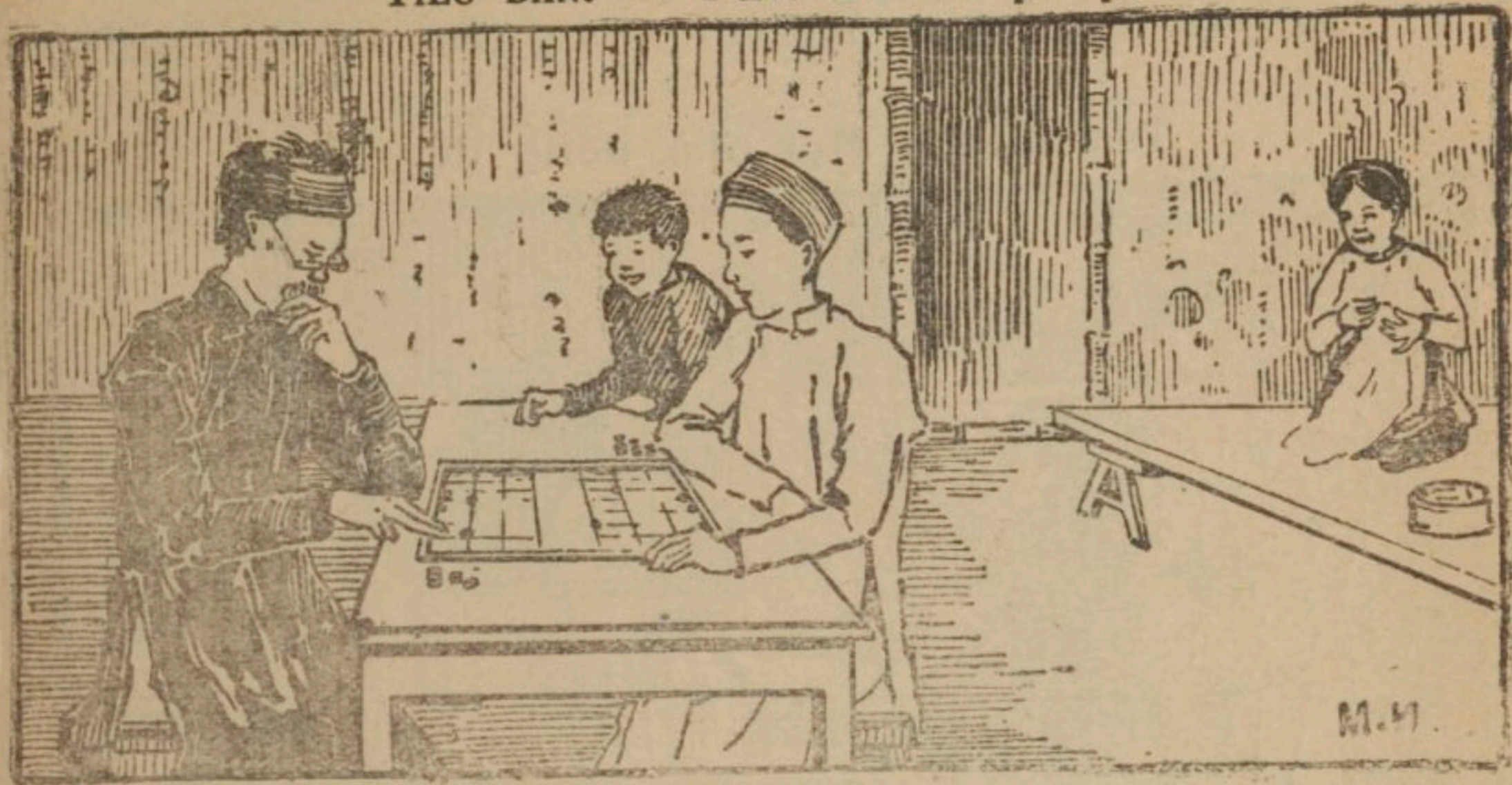
Câu hỏi. — Tại làm sao người cha mắng anh Mậu? — Đầy tớ giúp ta những việc gì? — Chủ nhà phải ăn ở với đầy tớ thế nào?

CÁCH-NGÔN. — *Người ở xét công.*

(1) la-rầy — (2) chút.

Những người quen thuộc cha mẹ ta là những bậc tôn-trưởng.
 Đối với những bậc ấy, ta phải kính nhường và ăn ở cho có lễ phép.

TIÊU DẪN. — Đứa trẻ vô phép.



Ông Bá đánh cờ với bác Phó.

Một hôm, ông Bá đánh cờ chơi với bác Phó là anh cả thằng Thìn. Ông Bá xưa nay vẫn cậy mình là người cao cờ. Hôm ấy đánh thua luôn mấy ván (1).

Thìn đứng cạnh (2), cứ mỗi lần thấy ông Bá thua, lại cười âm lên. Bà mẹ ngồi may ở chái bên, làm thình như không nghe tiếng. Nhưng lúc ông Bá về rồi, bà mới gọi (3) Thìn lại mắng rằng: «Lúc nãy (khi hồi) mày cười ông Bá như thế, là vô phép với một người bạn của nhà ta. Mày hư lắm! Tôi hôm nay tao không cho mày đi chùa nữa».

Thìn biết mình có lỗi, đứng cúi mặt xuống, không dám nói gì, và từ đây trở đi nó ăn ở có lễ phép với cả mọi người.

Giải nghĩa. — Tôn-trưởng = bậc trên, bậc anh.

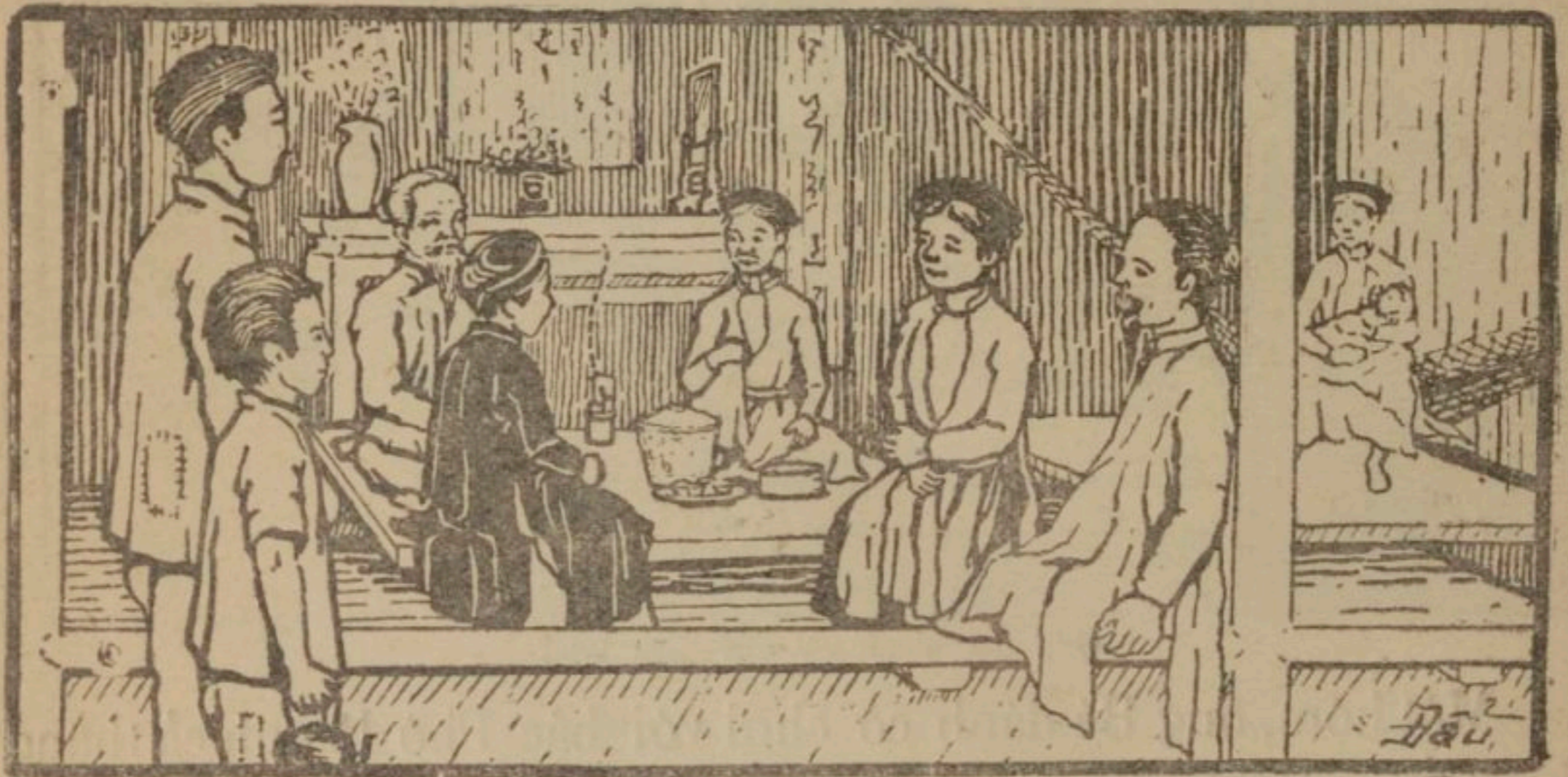
Câu hỏi. — Ông Bá lại nhà bác Phó làm gì? — Ông cậy mình thế nào? — Thìn thấy ông Bá thua cờ thì làm gì? — Mẹ nó dạy bảo nó thế nào?

CÁCH-NGÔN. — *Kính bạn cha cũng như cha.*

(1) bàn — (2) bên — (3) kêu.

Những ngày đông đủ cả ông bà, cha mẹ, chú bác, cô di, anh em, chị em là những ngày vui hơn cả. Cái cảnh một nhà già trẻ, xa gần được xum-họp với nhau, thật là sung-sướng.

TIÊU DẪN. — Một nhà đông đủ.



Một nhà xum họp.

Anh Xuân mới thi đậu bằng tiểu-học pháp-việt. Anh về nhà nghỉ hè. Ông bà, cha mẹ, anh em, chị em đón rước anh rất là vui-vẻ. Họ-hàng, bà-con được tin anh về, tập-nập⁽²⁾ đèn chơi, kẻ mừng người hỏi, ân-cần vốn-vã (hơn-hở). Còn anh Xuân dăng-dăng mây tháng trời ở tỉnh, nay được về nhà, gặp cha mẹ họ-hàng thì trong bụng cũng lây làm hơn-hở.

Câu hỏi. — Anh Xuân thi đỗ, về nhà làm gì? — Cha mẹ, họ-hàng vui mừng làm sao? — Anh Xuân vui-vẻ thế nào?

CÁCH-NGÔN. — *Chẳng gì vui bằng cái cảnh một nhà xum-họp.*

(1) hiệp — (2) rộ-rực.

Người một nhà phải âu-yêm hòa thuận với nhau. Có âu-yêm hòa thuận, thì mới có sức mạnh và làm ăn mới được thịnh vượng.

TIỂU DÂN. — Một quả (2) cam.

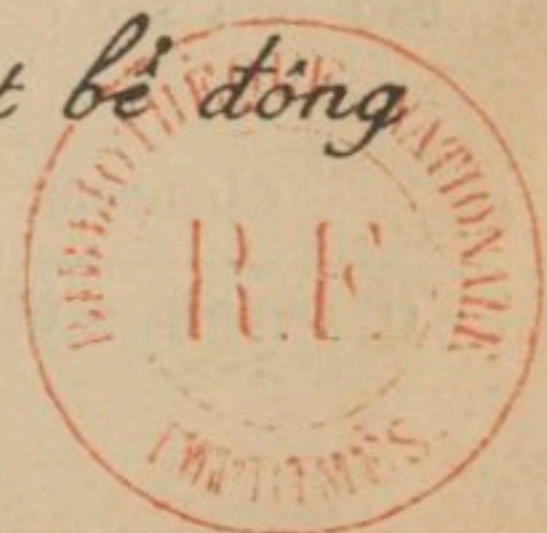
Một người mẹ cho con một quả (2) cam. Con cầm lấy, nhưng không ăn, chạy ngay (3) ra sân đưa cho em bé. Thằng bé cầm lấy rồi nói rằng tôi không ăn, để đem cho cha ăn cho mát ruột. Nói rồi, nó chạy ra đồng đưa cam cho cha nó. Người cha cầm lấy, nhưng cũng không ăn, lại đem về cho vợ. Thành ra quả cam tự tay người mẹ cho, rồi lại về tay người mẹ. Cái cảnh một nhà âu-yêm nhau như vậy, thật đáng quý.



Con đưa quả (2) cam cho cha.

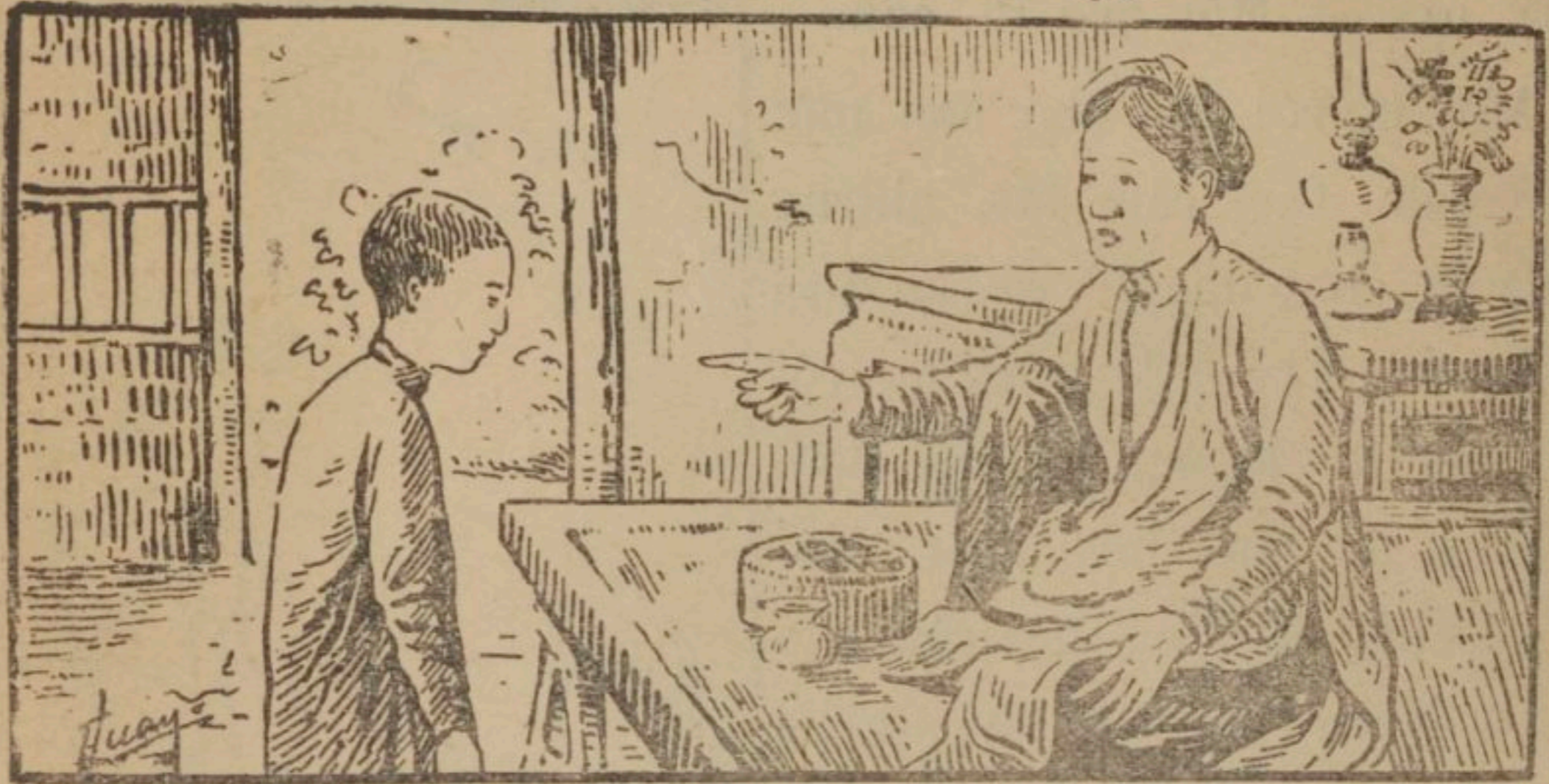
CÁCH-NGÔN. — *Thuận vợ thuận chồng, tát bể đông cũng cạn.*

(1) hiệp — (2) trái — (3) liền.



Ta phải giữ lây cái nên-nếp của nhà ta, cô làm cho ông cha được vẻ-vang thêm lên. Đừng làm điều gì xấu-xa, phạm đến danh tiếng nhà ta.

TIÊU DẦN. — Đứa bé mất dạy.



Mẹ mắng con.

Dần là đứa bé ngộ-nghịch, cứ hay ném gạch sang nhà bên cạnh (1). Một hôm, ném thê nào (2) vào đầu con người ta. Bà cụ láng giềng chửi âm lên. Mẹ nó nghe tiếng, gọi (3) nó vào vừa đánh vừa mắng rằng: «Mày làm gì để người ta chửi bới như thế? Thật là con nhà *mất dạy*, làm nhục đến mẹ cha. Mày thử nghĩ xem mày đã làm được *công-trạng* gì chưa, mà để người ta sỉ nhục ông cha như thế?»

Giải nghĩa — *Mất dạy* = không ai dạy bảo. — *Công-trạng* = sự-nghiệp đã làm nên.

Câu hỏi. — Dần tinh nghịch thế nào? — Một hôm, Dần ném đá vào đầu ai? — Nhà láng giềng thấy thế làm gì? — Mẹ Dần đánh mắng Dần và dạy bảo làm sao?

CÁCH-NGÔN. — *Giấy rách phải giữ lấy lề.*

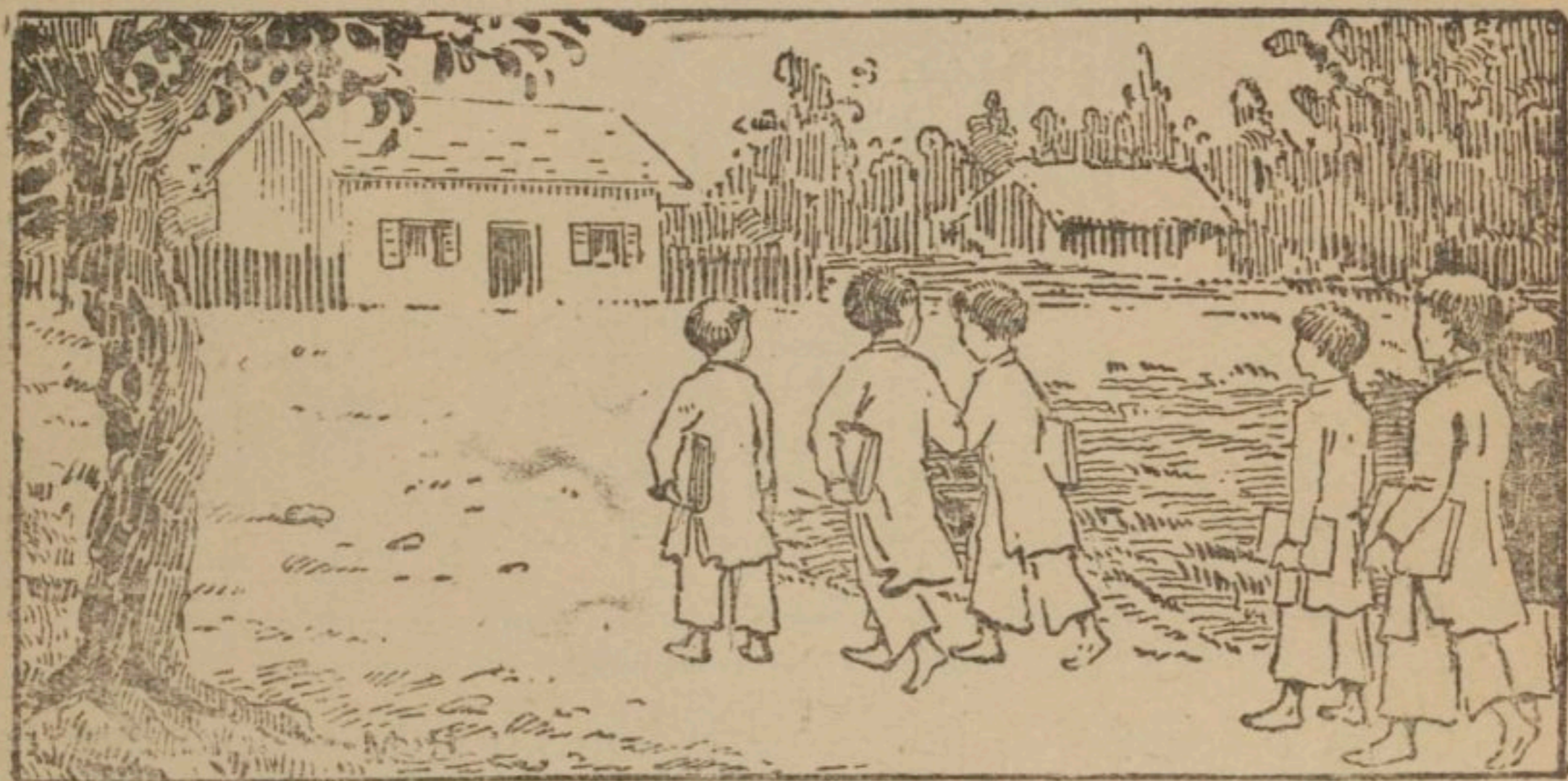
(1) một bên — (2) làm sao — (3) kêu.

BỒN-PHẬN ĐÔI VỚI HỌC-ĐƯỜNG

17. — Trường học.

*Khuyên con khuya sớm chuyên cần,
Học-hành cô chí lập thân kịp người.*

TIÊU DẪN. — Phải đi học.



Lũ trẻ đi học.

Đông hồ sắp đánh tám giờ. Học-trò tập-nập⁽¹⁾ đi học, lũ năm lũ ba, tay cắp sách vừa đi vừa chuyện-trò vui-vẻ.

Đền trường, ai nầy vào học. Các lớp học đều rộng rãi, mát-mẻ.

Thầy giáo hệt lòng dạy các cậu, mà các cậu học hành rất chăm chỉ.

Sự học hành cần lắm. Ta phải rủ nhau đi học. Có học mới khôn được.

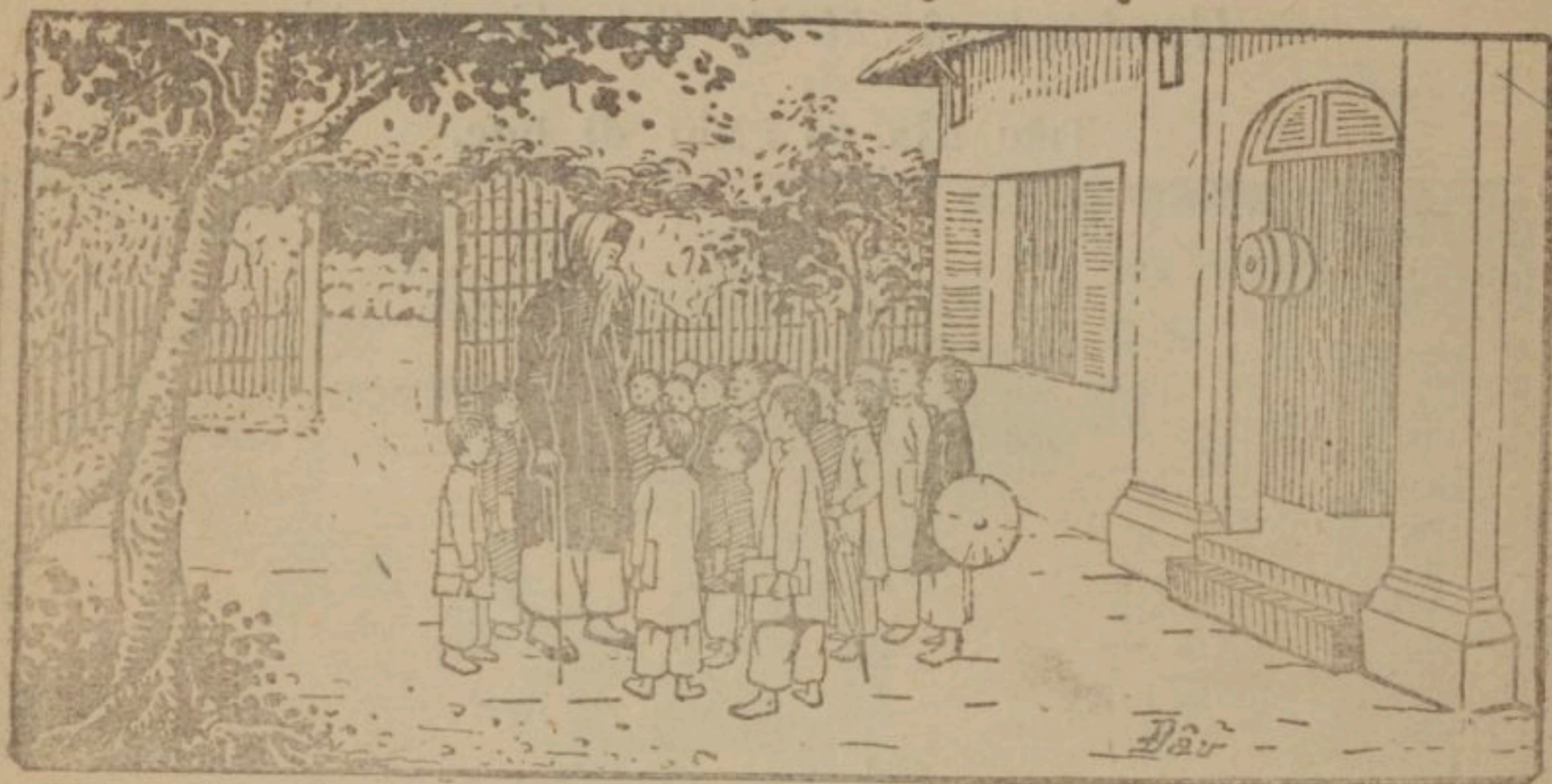
Câu hỏi. — Các cậu bé đi đâu? — Các cậu cầm gì ở tay? — Các lớp học thế nào? — Các cậu học hành thế nào? — Tại làm sao phải đi học?

CÁCH-NGÔN. — *Bé chẳng học, lớn làm gì?*

(1) rộn-rực.

Thầy học là người thay quyền cha mẹ mà dạy-dỗ ta để ta được nên người tử-tê. Vậy ta phải yêu mến thầy học cũng như yêu mến cha mẹ.

TIỂU DẪN. — Học-trò yêu thầy.



Học-trò hỏi thăm thầy.

Chưa đến giờ học, học-trò hãy còn chơi ở sân nhà trường. Anh Ba bảo các anh em bạn rằng: «Này các anh ạ, thầy yêu mới khởi, chắc là thầy còn mệt; vậy hôm nay vào lớp, ta phải đề trí mà nghe thầy dạy, đừng đề thầy phải nói nhiều; như vậy thì thầy đỡ mệt, mà anh em ta mới tỏ được bụng yêu mến thầy». Các anh em đều nói: «Phải lắm, phải lắm». Lúc vào học, ai nấy ngồi im⁽¹⁾ phăng-phắc, cố ý nghe lời thầy dạy. Thầy dạy hết buổi học mà không thầy nhọc mệt, vì không phải nói to⁽²⁾, không phải quở phạt ai cả. Thầy lấy làm bằng lòng lắm.

Câu hỏi. — Anh Ba bảo gì các anh em bạn? — Các anh ấy trả lời làm sao? — Vào trong lớp, học-trò làm gì? — Tại làm sao thầy giáo bằng lòng?

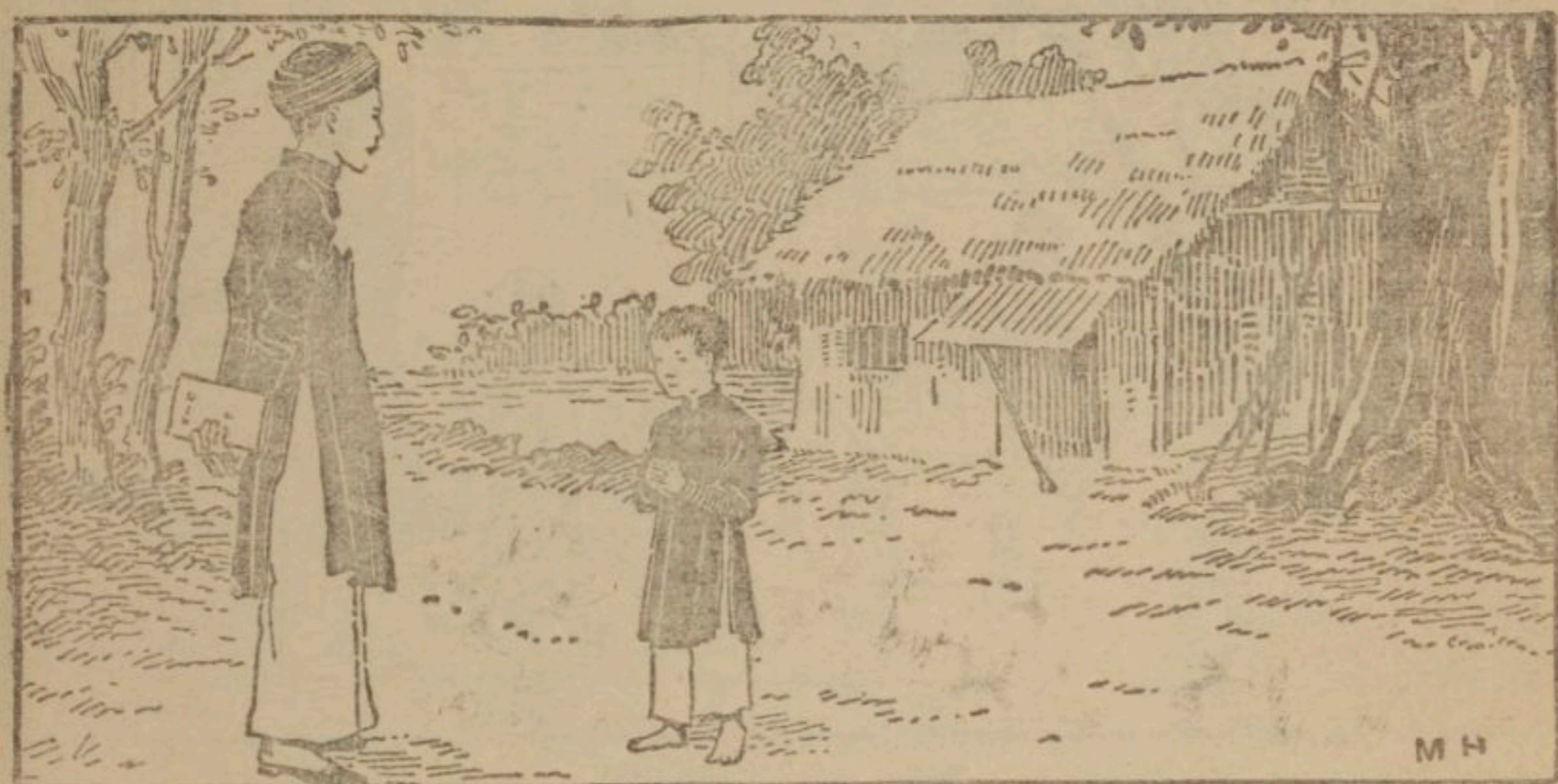
CÁCH-NGÔN. — *Muốn sang thì bắc cầu kiều,*

Muốn cho hay chữ, phải yêu mến thầy.

(1) nin — (2) lớn.

Cha mẹ sinh ta và nuôi ta, thầy dạy ta đẽ mờ-mang trí-tuệ cho ta. Vậy ta phải tôn kính thầy cũng như tôn kính cha mẹ.

TIỂU DÂN. — Thầy giáo.



Học-trò chào thầy.

Kể trong bách⁽¹⁾ nghệ, thì nghề nào cũng quý, nhưng nghề dạy học đáng quý hơn cả. Không có người làm ruộng, thì ta không có cơm mà ăn; không có người dệt vải, thì ta không có áo mà mặc; không có thợ nề⁽²⁾, thợ mộc, thì ta không có nhà mà ở. Nhưng nếu không có thầy dạy học, mờ-mang trí-tuệ cho ta, thì dầu ta làm nên gì nữa, cũng là phường giá áo túi cơm mà thôi! Như thế thì cái đời còn có giá-trị gì! Vậy ta phải tôn kính thầy học lắm mới được.

Giải nghĩa. — Trí-tuệ = khiếu đẽ hiểu biết mọi việc. — Giá áo túi cơm = nói ví người như cái giá mặc áo, cái túi đựng cơm.

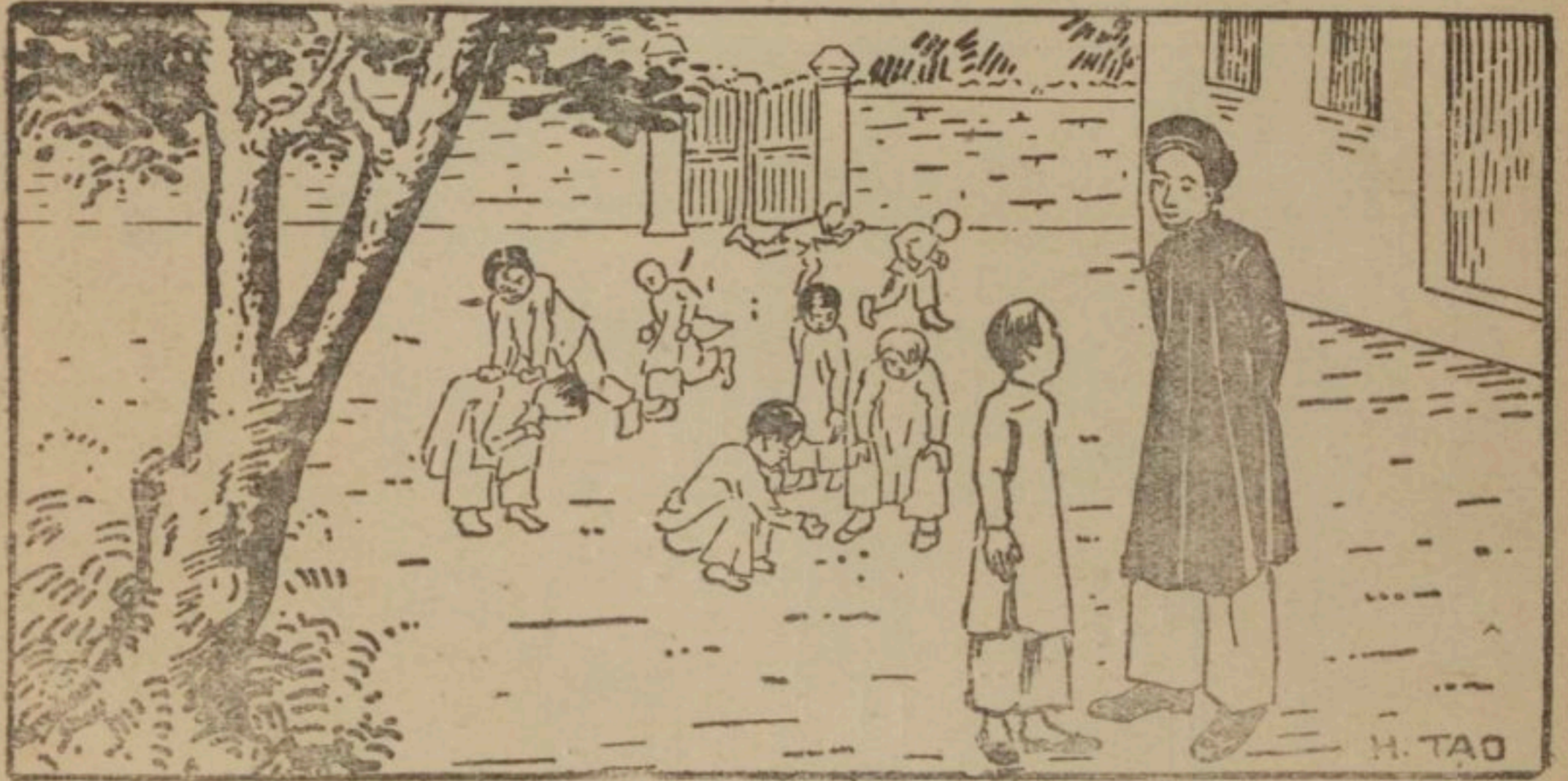
Câu hỏi. — Tại làm sao nghề nào cũng quý? — Không có người làm ruộng, người dệt vải, người thợ nề, thợ mộc, thì làm sao? — Tại làm sao phải tôn kính thầy hơn các người khác?

CÁCH-NGÔN. — *Trọng thầy mới được làm thầy.*

(1) bá — (2) hồ.

Thầy dạy bảo ta, là mong cho ta được hay. Vậy ta phải vui lòng mà vâng lời thầy.

TIÊU DẪN. — Người học-trò vâng lời.



Thầy mắng anh Thu.

Thu có thói hay dậy trưa. Cha mẹ chiều⁽¹⁾ anh, vì anh là con một, nên không quở mắng gì. Song có người nói đền tai thầy giáo biết, một hôm thầy bảo anh Thu rằng: « Dậy trưa là một nết xấu. Nếu con dậy trưa, thì con đi học muộn (trưa), mất thì giờ mà lại làm ngăn trở cả việc học-hành của bạn con nữa. Từ rày con phải tập dậy sớm mới được. » Tự hôm ấy trở đi, sáng nào anh Thu cũng dậy sớm và trước giờ học, anh đã đền trường rồi. Thu là học-trò biết vâng lời thầy.

Câu hỏi. — Anh Thu có tính gì? — Tại sao cha mẹ anh không mắng anh? — Thầy giáo bảo anh gì? — Anh làm thế nào? — Anh Thu là người thế nào?

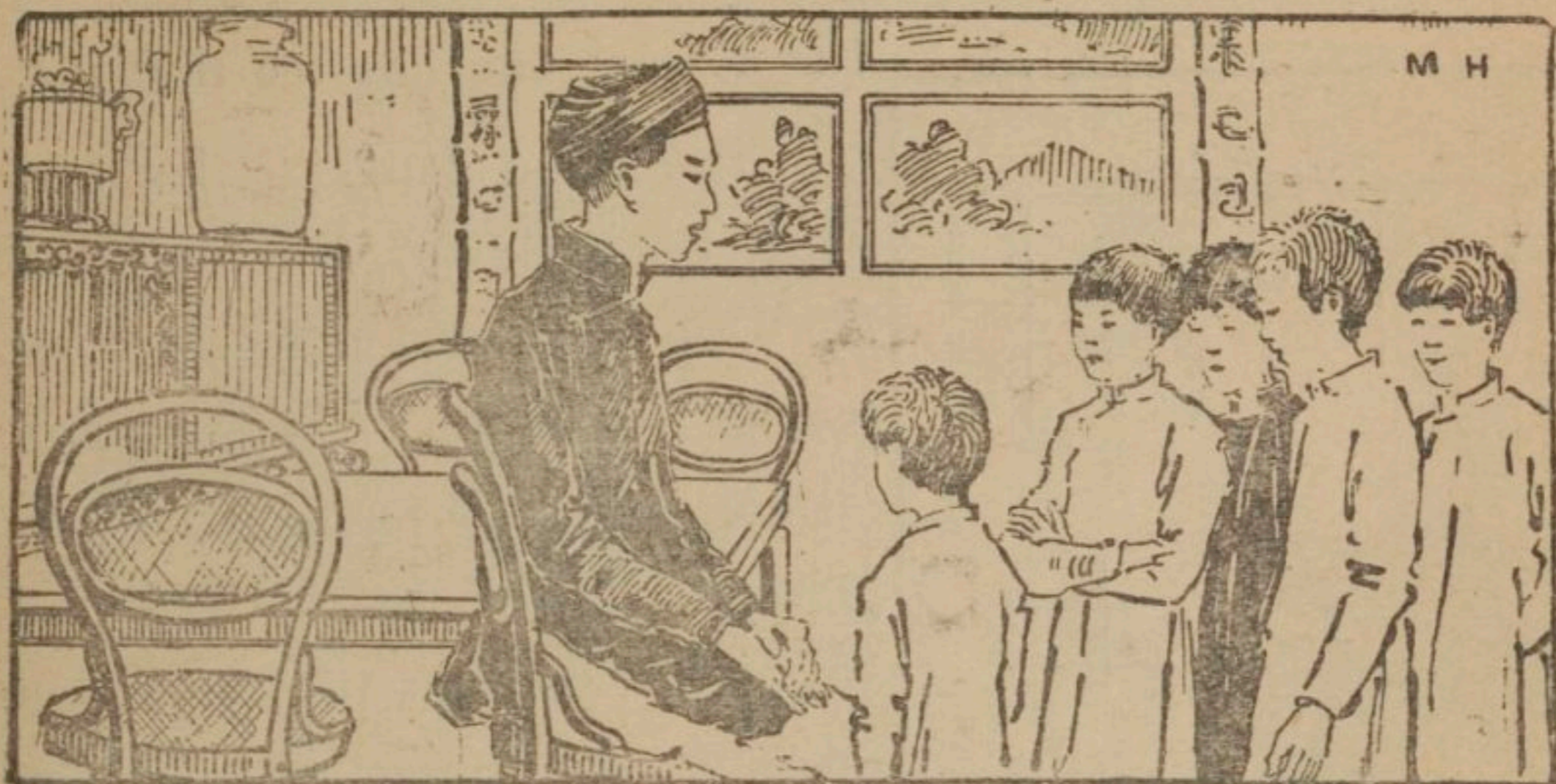
CÁCH-NGÔN. — *Nào là những kẻ học-trò,*

Phải nghe thầy dạy mà lo sửa mình.

(1) chiều.

Thầy cũng như cha. Cha mẹ thì có công sinh-thành, mà thầy thì có công giáo hóa. Ta phải biết ơn thầy cũng như ơn cha mẹ.

TIỂU DẪN. — Biết ơn thầy.



Học-trò mừng tuổi thầy.

Tục ta thuở trước cứ mong năm ngày tết là học-trò phải đèn tết thầy. Không những khi còn đang học, mà khi đã thôi học rồi, có khi đã làm nên danh phận, cũng vẫn phải giữ lệ ấy. Học-trò trọng thầy như cha vậy. Khi thầy mất thì học-trò phải tống-táng, phải trông nom⁽¹⁾ phần mộ, và đèn ngày giỗ thì phải cúng tề.

Ấy cái tục của ta ngày xưa trọng thầy như vậy.

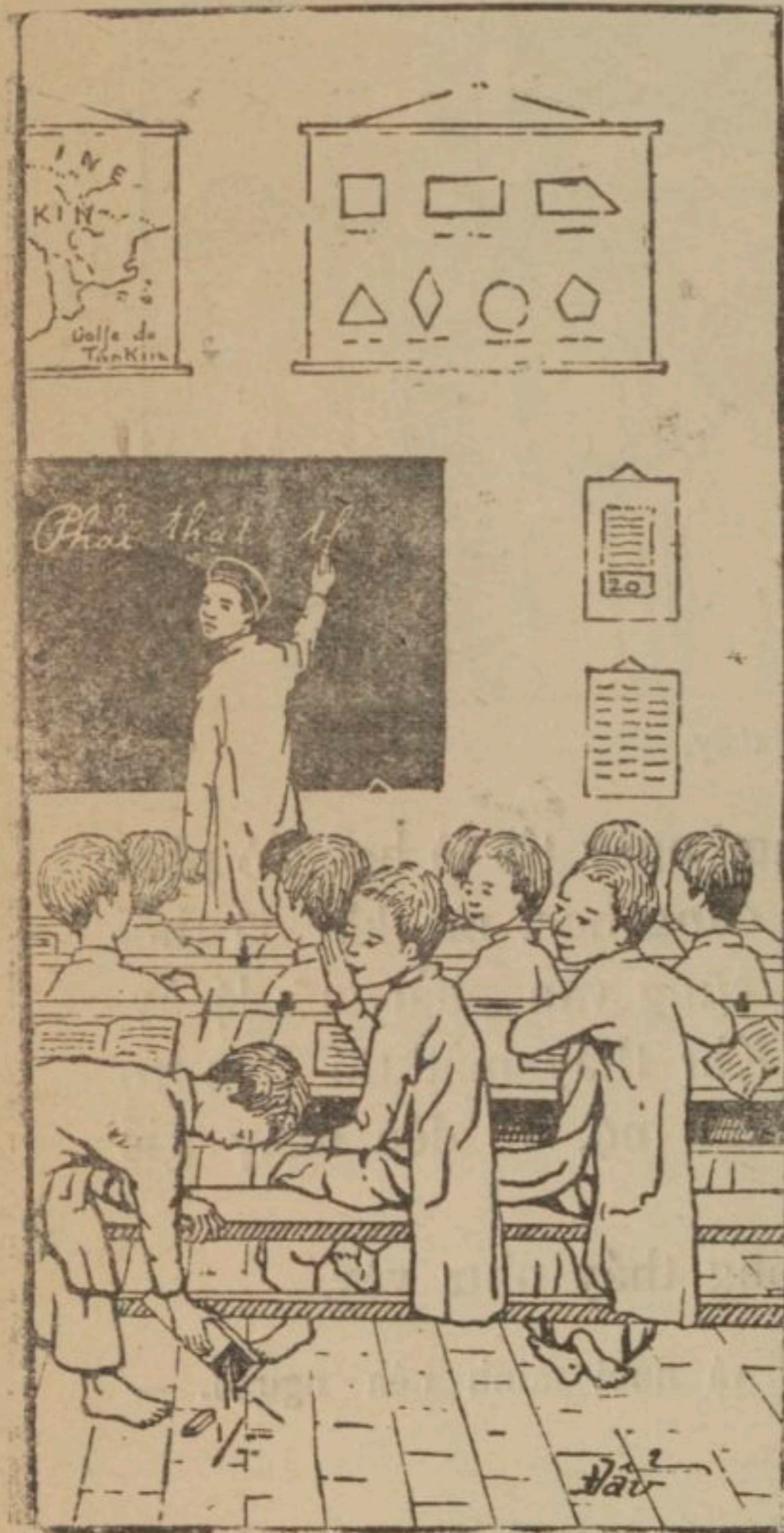
Giải nghĩa. — Sinh-thành = đẻ ra và nuôi mình nên người. — Giáo hóa = dạy dỗ.

Câu hỏi. — Thuở trước, mong năm ngày tết học-trò làm gì? — Những người đã thôi học rồi, có theo tục ấy không? — Khi thầy mất thì học-trò làm gì?

CÁCH-NGÔN. — *Không thầy đố mày làm nên.*

(1) coi.

Bao giờ ta cũng phải nói thật với thầy. Nếu đã làm điều gì trái, thì ta phải thú ngay. Ta không nên nói dối, vì nói dối là một thói rất xấu.



Sáu đánh rơi hộp bút (4).

TIỂU DẪN. — Cậu học-trò thật-thà.

Thầy giáo đang viết bài trên bảng. Bỗng chốc ở đằng cuối lớp có tiếng động, và mấy cậu học-trò cười khúc-khích. Thấy ngoảnh lại hỏi rằng: « Đứa nào nghịch (1) gì đây? » Học-trò ngồi im (2), không ai nói gì cả. Sau thầy anh Sáu đứng dậy thưa rằng: « Thưa thầy, con lỡ tay đánh rơi (3) hộp bút (4), xin thầy tha cho con. » Thầy nói: « Nghịch (1) ở trong lớp thê là có lỗi, đáng lẽ phải phạt, song mày đã biết thú thật, thì ta tha cho. Từ rày đừng nghịch (1) thê nữa. »

Câu hỏi. — Thầy giáo làm gì? — Bỗng chốc có tiếng gì ở trong lớp? — Thầy giáo hỏi gì? — Anh Sáu nói làm sao? — Thầy giáo bảo anh gì?

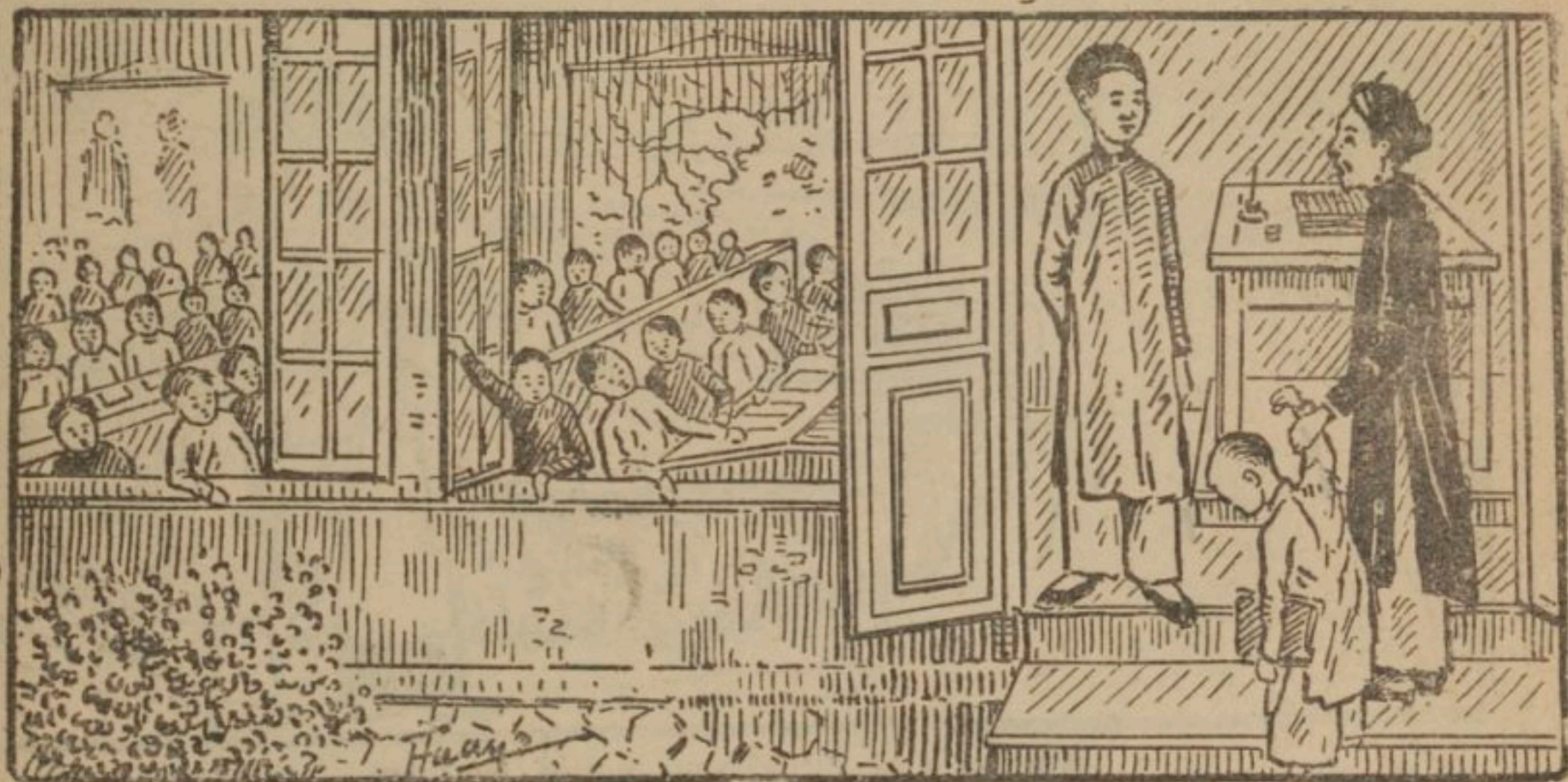
CÁCH-NGÔN.

— Đã lòng tri quá thì nên.

(1) nghịch — (2) im — (3) làm rớt — (4) viết.

Học-hành phải chuyên cần. Đi học mà buổi có buổi không, chẳng những thiệt cho mình, mà lại thất lễ với thầy nữa. Học-trò trốn học đi chơi là học-trò hư.

TIÊU DẪN. — Bữa bé trốn học.



Tạ chớn học.
trốn

Thằng Tạ ở nhà cắp sách ra đi học. Nhưng kỳ thật nó trốn học, đi chơi. Cha nó bắt được nó đang trèo lên cây để lấy tổ ⁽¹⁾ chim, gọi ⁽²⁾ xuống rồi đem đến trường học mách thầy.

Thầy giáo phạt Tạ và mắng Tạ rằng: « Mày trốn học như vậy, tội nặng lắm. Ở nhà nói dối cha, đến trường nói dối thầy. Từ rày phải chừa, và phải đi học cho *chuyên cần* ».

Giải nghĩa. — *Chuyên cần* = siêng-năng, chăm-chỉ.

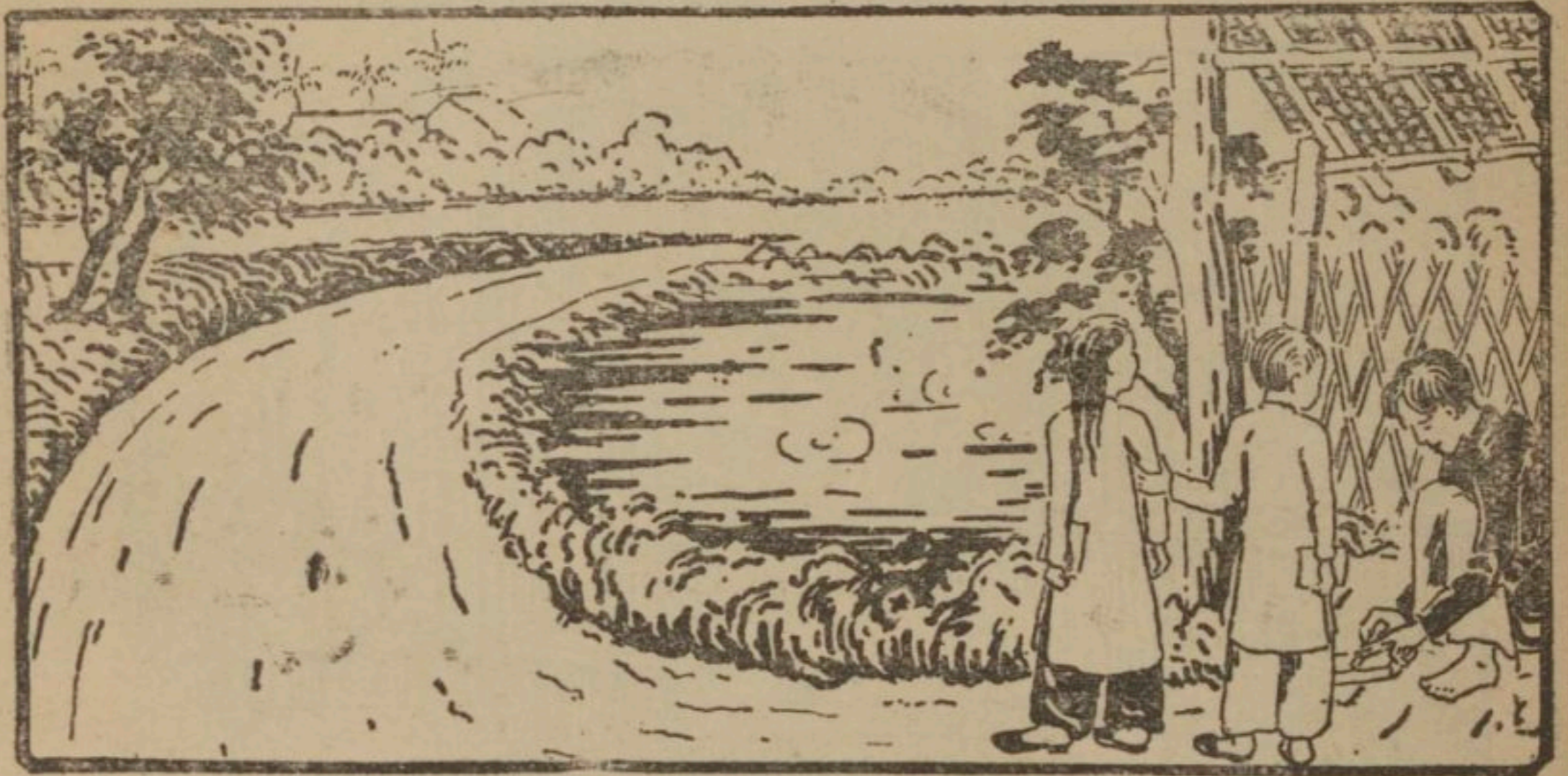
Câu hỏi. — Thằng Tạ trốn học đi làm gì? — Cha nó bắt được nó thì đem đi đâu? — Thầy giáo mắng nó thế nào?

CÁCH-NGÔN. — *Học tinh ư cần.*

(1) tổ — (2) kêu.

Đi học ta phải trông ⁽¹⁾ đồng-hồ để liệu đến trường cho đúng giờ. Ta không nên vơ-vẩn dọc đường. Nếu đến trễ thì không những mất thì giờ của mình, mà lại làm ngăn-trở cả việc học của bạn nữa.

TIÊU DẪN. — Vơ-vẩn dọc đường.



Mùi và Quý đứng xem người mài dao.

Thằng Mùi và con Quý cắp sách đi học. Mẹ dặn rằng: « Phải đi cho mau, đừng có nghênh ⁽²⁾ ở đường nhé! Tao thầy nói chúng bay hay đến trường chậm lắm đây. — Vâng, chúng con đi thật nhanh ». Nói rồi, cả hai đứa cùng chạy. Chạy được một lát, chúng nó đứng lại, nghỉ bên mé đường, rồi lại chạy. Gặp thằng bé ⁽³⁾ chăn trâu, lại đứng nói chuyện một lúc, rồi lại chạy. Cách một quãng, gặp một người mài dao, thầy hay hay, chúng nó đứng lại xem. Xem một lát, sức nhớ đến trường lại cảm đầu chạy để đến cho kịp giờ; nhưng đến trường, thì học-trò vào học đã lâu rồi.

Câu hỏi. — Người mẹ bảo Mùi với Quý gì? — Chúng nó đi học thế nào? — Chúng nó đứng lại ở những đâu? — Tại làm sao chúng nó đến chậm? — Muốn không đến chậm thì phải làm thế nào?

CÁCH-NGÔN. —

Đi đến nơi, về đến chốn.

(1) coi — (2) vác mặt — (3) nhỏ.

Anh em bạn học cùng một trường, sớm trưa có nhau, phải yêu mến nhau như anh em trong một nhà, ở với nhau phải giữ hết lòng trung-hậu.

TIỂU DẪN. — Một người bạn tốt.

Bầy. — Hôm nay nghỉ, ta đi chơi đi.

Tám. — Không, tôi còn muốn đi đàng này kia.

Bầy. — Đi đâu?

Tám. — Anh Chín mệt, nghỉ học đã mấy hôm nay, tôi muốn đến thăm anh ấy.

Bầy. — Đến làm gì nói chuyện với người ốm (1), thì còn có gì thú!

Tám. — Anh nghĩ lắm! nói chuyện với bạn mà lại không thú! Để cứ nô đùa (2) thì mới thú hẳn!

Anh Bầy còn ngăn-ngừ, anh Tám lại nói rằng: Anh thử nghĩ xem: giá anh yêu (1) mà nằm buồn một mình, thì anh có muốn cho bạn đến chơi không? Ta đến ta kể chuyện nhà trường cho anh Chín nghe, chắc anh ấy cũng đỡ buồn.

Bầy. — Ừ thì tôi cũng đi với anh.

Câu hỏi. — Anh Bầy rủ anh Tám đi đâu? — Tại sao anh Tám không đi chơi?

— Anh Bầy nói sao? — Anh Tám đáp

lại làm sao? — Tại làm sao đến sau anh Bầy lại đi thăm anh Chín?



Tám nói chuyện với Bầy.

CÁCH-NGÔN. — Bạn biết nghiên, một sách một đèn.

(1) đau — (2) trêu đùa.

26. — Phải biết chiều ⁽¹⁾ bạn.

Anh em chơi với nhau, phải biết tính nhau và phải biết chiều nhau, thì mới được vui-vẻ.

TIỂU DẪN. — Một đứa trẻ biết chiều bạn.



Năm rủ Ba đi câu.

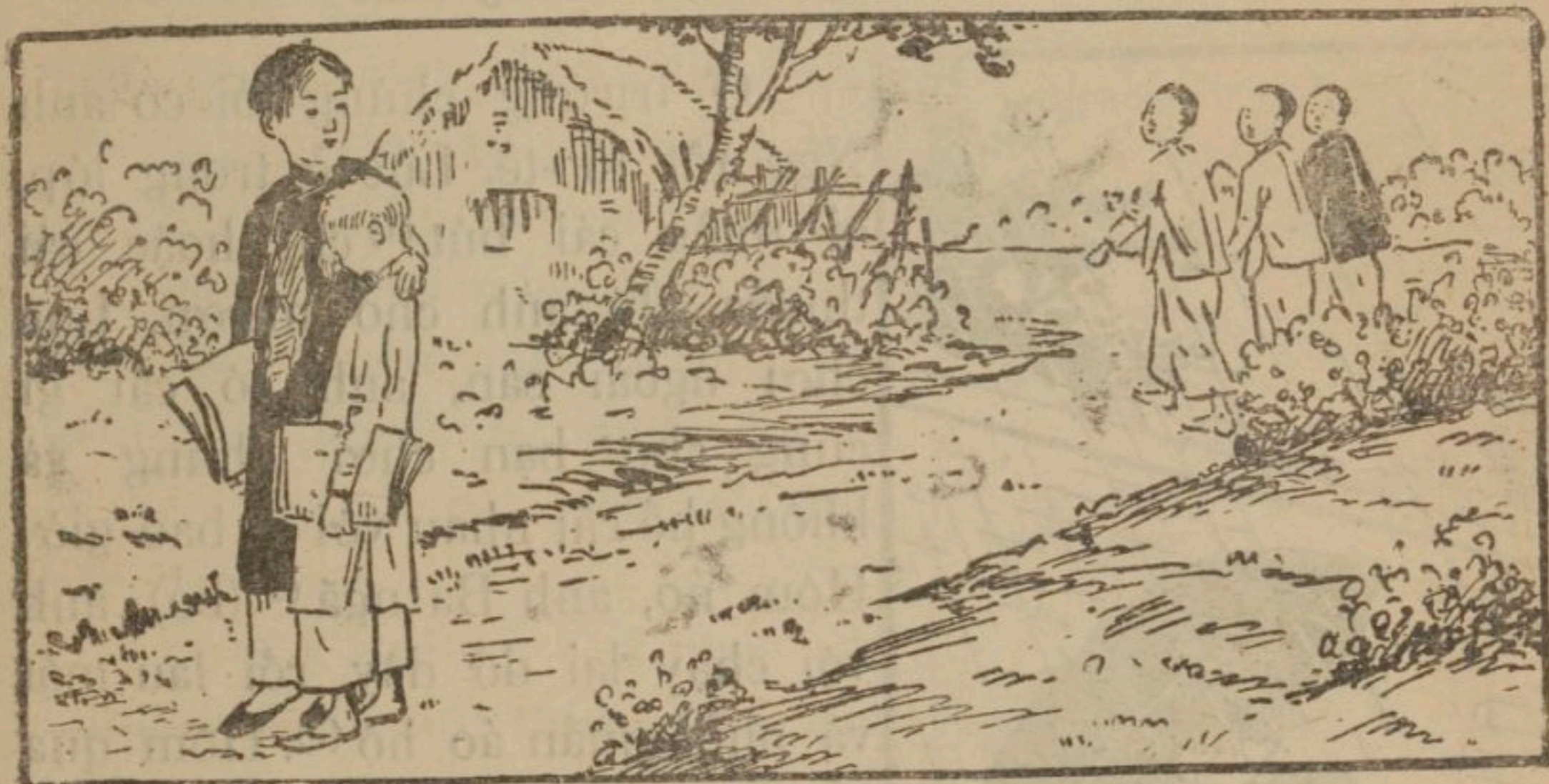
Câu hỏi. — Tại làm sao anh Ba với anh Tư lại thích đến chơi anh Năm? — Anh Năm làm gì để chiều lòng anh Ba? — Cái tính tốt của anh Năm gọi là gì?

CÁCH-NGÔN. — *Để người để ta.*

(1) chiều.

Ta có sức khỏe hơn người, ta chẳng nên cậy khỏe mà ăn hiếp người. Ta phải đem sức khỏe mà bệnh vực kẻ hèn yếu.

TIỂU DẪN. — Một cậu bé (1) can đảm.



Tí bệnh Mão.

Mão lui-thùi cấp (2) sách đi về nhà một mình. Bỗng có mây đừa vô cô đèn trêu ghẹo, rồi đuổi đánh. Mão kêu khóc râm-rĩ. Tí cũng đi học về vừa đèn nơi, thấy có người ăn hiếp bạn, vội-vàng chạy lại bệnh. Tí cũng chẳng khỏe gì, nhưng hăng lên, xông vào đánh. Lũ trẻ kia phải bỏ chạy. Tí đèn cầm tay Mão, bảo rằng: « Anh đừng sợ. Đã có tôi. Tôi đừa anh về nhà. »

Tí thật đã hiểu cái bòn-phận của kẻ mạnh là phải bệnh vực kẻ yếu.

Câu hỏi. — Mão đi đâu về? — Có mấy đừa bé đến làm gì? — Tí chạy lại bệnh bạn làm sao? — Các anh cho Tí là người thế nào? — Cái bòn-phận của kẻ khỏe phải thế nào?

CÁCH-NGÔN. — *Kẻ mạnh phải bệnh vực kẻ yếu.*

(1) nhỏ — (2) cấp.

Anh em cùng học một trường phải giúp đỡ lẫn nhau. Khuyên bảo nhau đã là hay rồi, mà giúp đỡ lẫn nhau lại là hay hơn nữa.

TIỂU DẪN. — Một cậu bé có lòng thảo.



Ngọ che dù đưa Năm về.

Ở trường chúng tôi có anh Ngọ rất tử-tê. Lúc ở trong lớp, ai thiếu cái bút⁽¹⁾ chì hoặc cái thước, thì anh cho mượn. Lúc chơi ngoài sân, anh có cái gì cũng cho bạn chơi chung và không hề cãi nhau với ai bao giờ. Hôm nọ, anh Ba ngã⁽²⁾ (bỏ), anh vội chạy lại đỡ dậy, rồi lau mặt và phui quần áo hộ⁽³⁾. Hôm qua lúc tan học, trời mưa, Năm quên đem dù đi, anh bảo Năm cùng đi một dù với anh và đưa về đến tận nhà.

Anh giúp được ai việc gì, thì anh *không nề-hà*⁽⁴⁾ bao giờ.

Giải nghĩa. — *Không nề-hà* = không quản công.

Câu hỏi. — Anh Ngọ ăn ở với chúng bạn thế nào? -- Ngọ giúp anh em những việc gì? — Sao các anh em thích chơi với Ngọ?

CÁCH-NGÔN. — *Chị ngã em nâng.*

(1) cây viết — (2) té — (3) giùm — (4) suy-ê

Học-trò một trường phải coi nhau như ruột thịt một nhà. Phải quây - quần đùm-bọc lẫn nhau: phúc cùng hưởng, họa cùng đau.

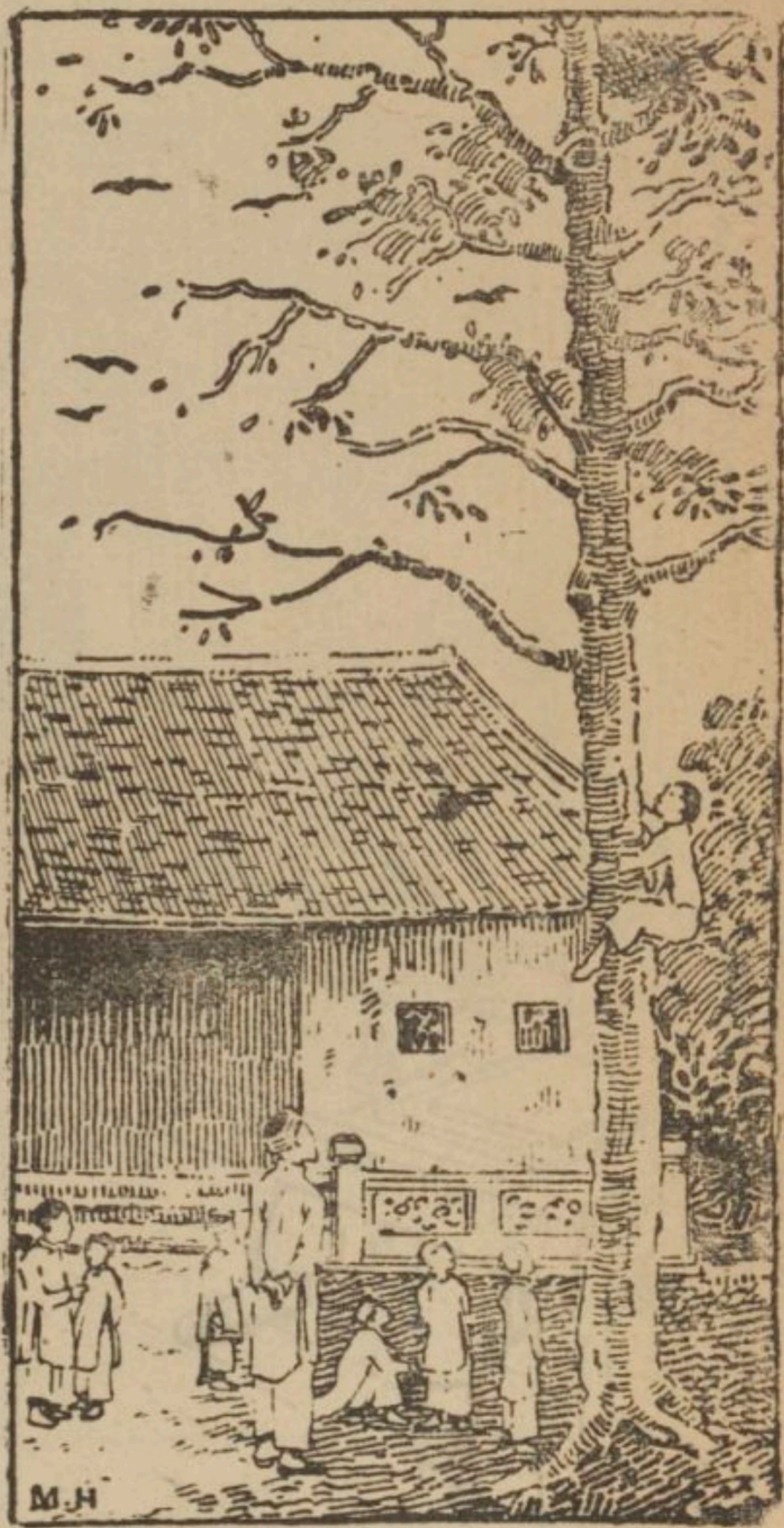
TIỂU DẪN. — ĐÀN QUẠ.

Thầy trò đi chơi, ngồi nghỉ chân trước cửa chùa. Thấy một người trèo lên cây gạo, định phá cái tổ (1) quạ. Có hai con quạ trong tổ (1) bay ra kêu âm lên. Một chóc (2) thấy bao nhiêu quạ tứ phía bay đến, xúm lại đánh người kia bù cả đầu, loạc cả mặt, phải vội-vàng trụt xuống.

Thầy giáo thầy thê, nhân dịp (nhịp) bảo học-trò rằng: « Lũ quạ biết bênh vực nhau như vậy, tức là cái nghĩa hợp-quần đây. Các con nên coi gương ấy mà bắt chước. Các con phải yêu mến nhau, giúp đỡ nhau, đùm-bọc lẫn nhau như con một nhà. »

Giải nghĩa. — Hợp-quần = nhiều người hợp nhau lại mà bênh vực nhau.

Câu hỏi. — Thầy trò ngồi nghỉ ở đâu? — Thầy trò trông thấy gì? — Tại làm sao mà quạ kêu? — Những quạ kia bay đến làm gì? — Thầy giáo nhân dịp giảng cho học-trò làm sao?



Trèo lên cây phá tổ (1) quạ.

CÁCH-NGÔN. — *Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây gium lại nên hòn núi cao.*

(1) tổ — (2) chóc.

CHƯƠNG THỨ BA
HỌC-TRÒ TỐT, HỌC-TRÒ XẤU

30. — Chọn ⁽¹⁾ bạn mà chơi.

Anh em bạn học, ai hay thì ta năng lui tới và cố bắt-chước lấy cái hay. Ai dở thì ta chớ nên gần và cố làm điều hay cho người ta bắt-chước.



Năm ngồi học.

TIÊU DẪN. — Người học-trò tốt.

Anh Năm ở xa mà hôm nào đi học cũng đúng giờ. Ở lớp học, anh có ý tứ và chăm-chỉ. Bài học bao giờ cũng thuộc, bài làm bao giờ cũng hay, nên anh được ngồi trên. Đến giờ nghỉ, anh chơi tử-tê với cả mọi người. Buổi học tan, anh không chơi võ-vắn ở dọc đường. Ở nhà, lúc làm xong bài, anh lại giúp đỡ cha mẹ.

Thầy giáo được một người học-trò tốt như anh Năm, lấy làm vui-vẻ. Mà chúng tôi được một người bạn tốt, cũng lấy làm sung-sướng. Ai này cũng muốn bắt-chước anh Năm, cố làm cho được hay như anh.

Câu hỏi. — Ở lớp học, anh Năm đối với anh em thế nào? — Ngoài sân chơi, anh đối với anh em thế nào? — Lúc đi học về, sao anh không chơi ở dọc đường? — Tại làm sao các anh muốn bắt-chước anh Năm?

CÁCH-NGÒN. —

Gần đèn thì sáng.

(1) lựa.

Ta phải giữ thân-thể, quần áo, sách vở cho thật sạch. Có sạch thì người ta mới ưa. Bàn-thủ⁽¹⁾ (nhóp-nhúa) thì ai cũng ghét.

TIÊU DẪN. — Đứa bé ở sạch.

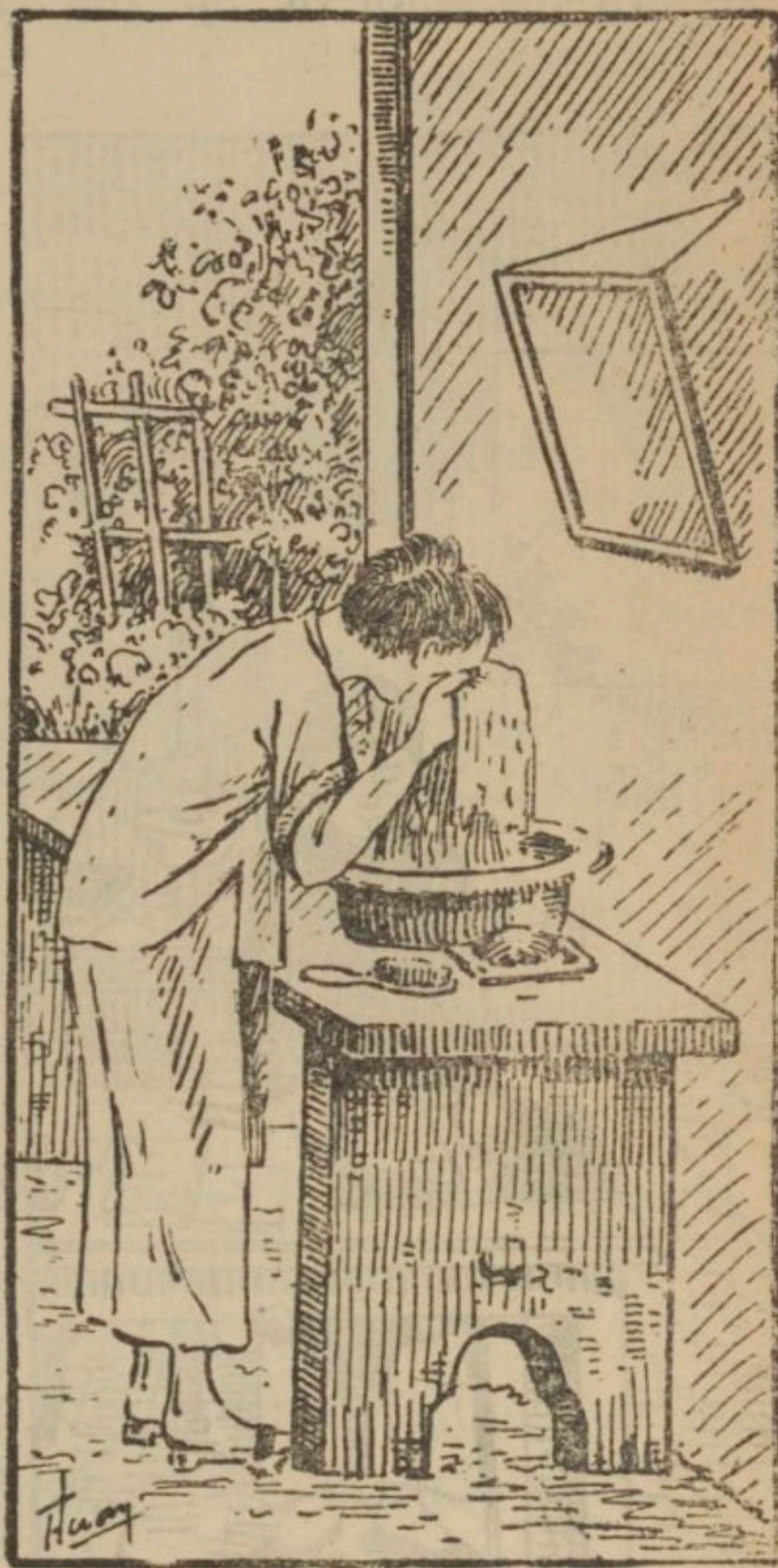
Khiết là một đứa bé ở sạch. Sáng dậy nó rửa mặt, rửa cò, rửa tay. Rồi chải đầu, mặc áo, đi giày thật *tiêm-tắt*.

Khi nó viết, nó giữ không để mực dấy ra tay. Sách vở của nó bao-bọc sạch-sẽ.

Khi nó chơi, nó giữ-gìn quần-áo, không để lấm, không làm rách.

Giải nghĩa. — *Tiêm-tắt* = gọn-gàng, tử-tế.

Câu hỏi. — Thằng Khiết thế nào? — Sáng dậy nó làm gì? — Khi viết bài, khi học-hành xong, nó giữ-gìn thế nào? — Khi chơi-bời nó giữ-gìn quần áo làm sao?

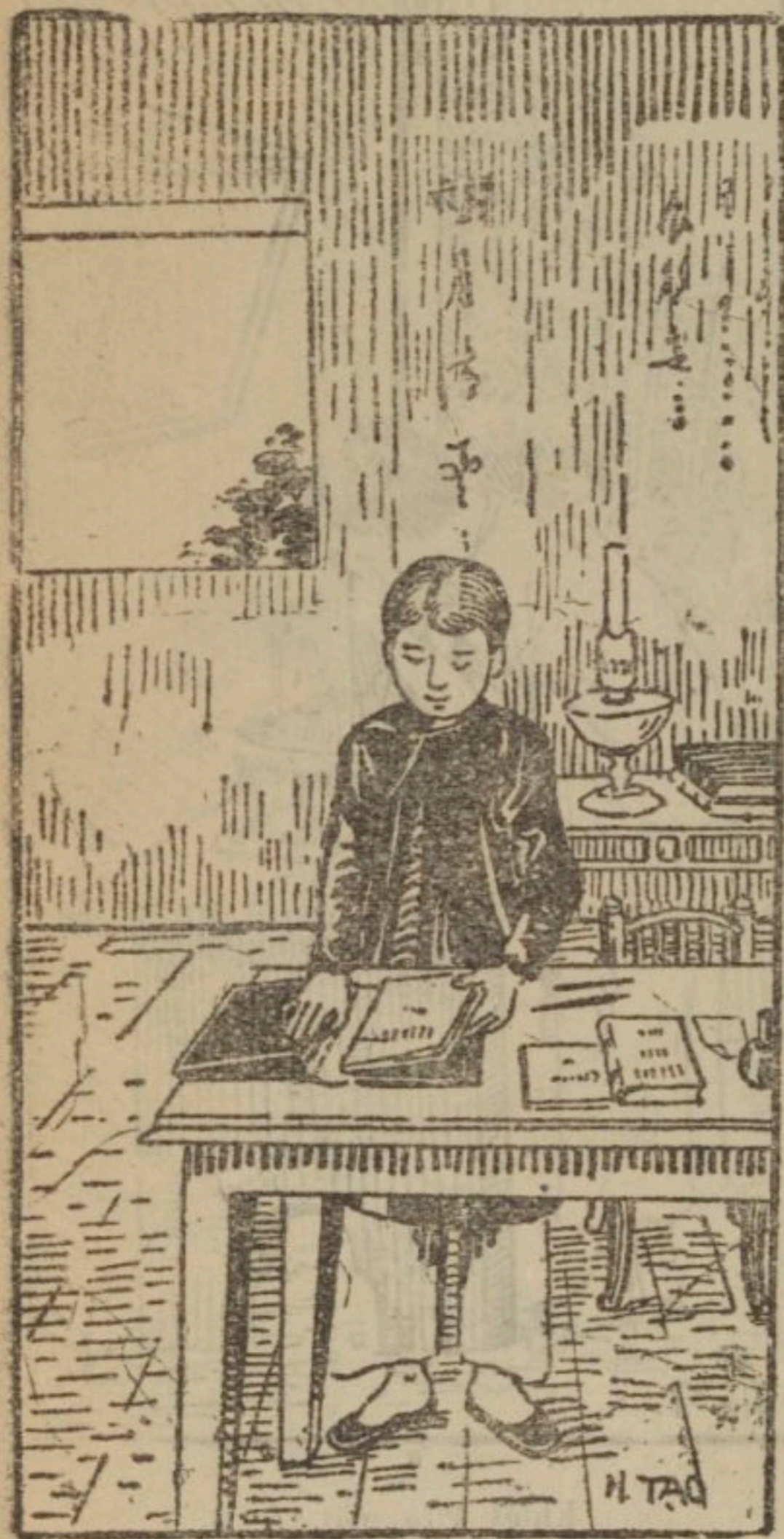


Khiết rửa mặt.

CÁCH-NGỒN. — *Đời cho sạch, rách cho thom.*

(1) dơ-dáy.

Đồ vật xếp đặt có ngăn-nấp, công việc làm ăn có trước sau, thế là có thứ-tự. Thứ-tự là một tính tốt. Ta phải tập cho có thứ-tự ngay từ lúc còn bé.



Năm xếp sách vào cặp.

TIÊU DẪN. — Đứa bé có thứ-tự.

Năm là một đứa bé có thứ-tự. Áo nó treo trên mắc; đồ chơi nó xếp vào hòm⁽¹⁾; sách, vở, bút, thước nó để trên bàn, hay xếp trong cặp; vật nào chỗ ấy, dấu vào dây eà. Nên không hay mất mát bao giờ, và khi cần đến cái gì là thấy ngay⁽²⁾, không phải mất công, mất thời giờ đi tìm.

Câu hỏi. — Anh Năm xếp đặt đồ-dạc thế nào? — Anh Năm xếp đặt quần áo, đồ chơi, sách vở ở đâu? — Có thứ-tự là thế nào?

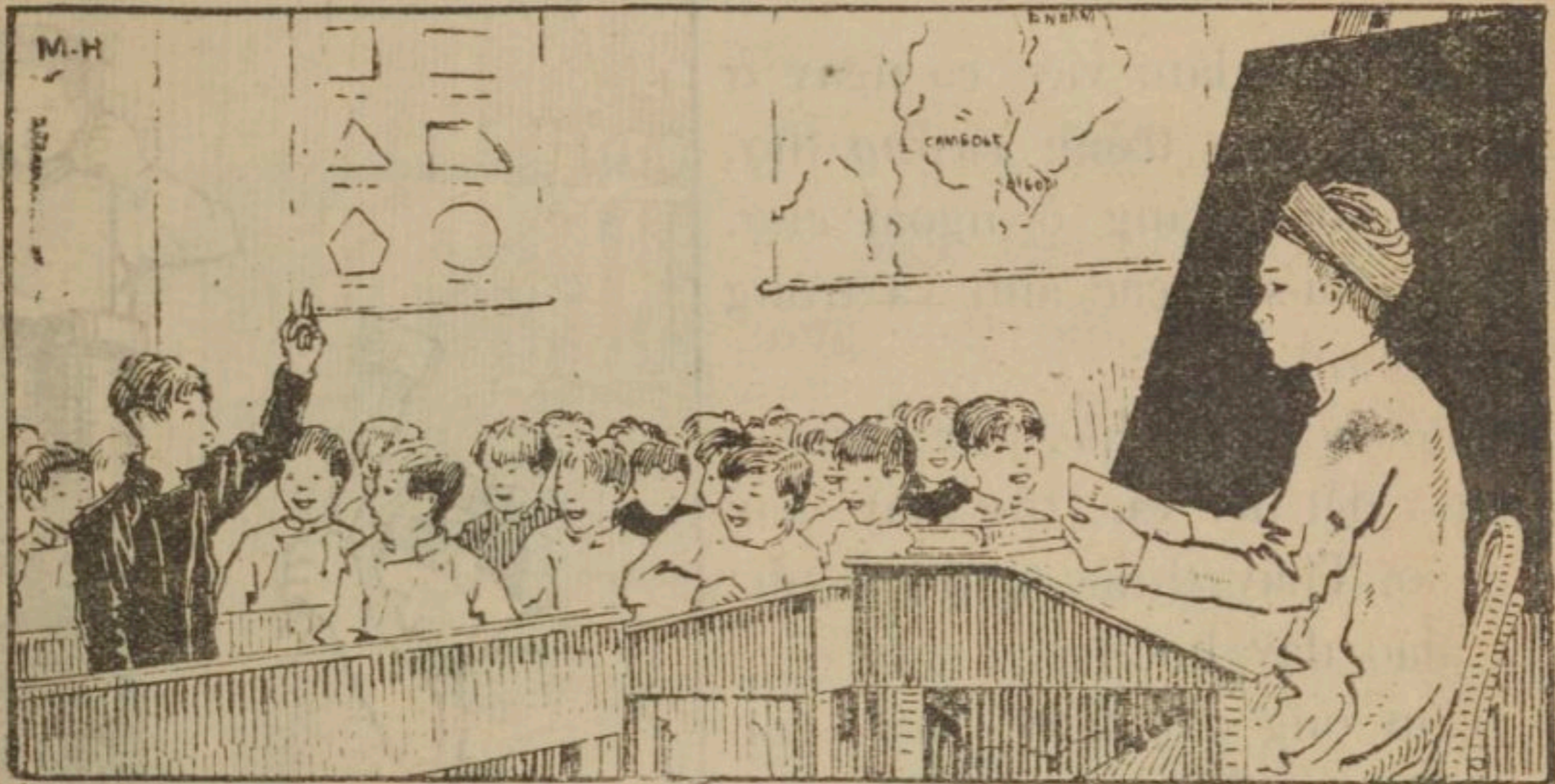
CÁCH-NGÔN. —

Việc làm phải có thứ tự.

(1) rương — (2) liền.

Lúc học, ta không nên dăng (lãng) trí. Ta phải chú ý vào lời thầy giảng, thì học mới chóng tân tới.

TIÊU DẪN. — Đứa bé dăng trí.



Thưa thầy con ạ.

Sáu là đứa bé hay dăng trí. Ở lớp học, nó chỉ thích nói chuyện, hay là nhênh⁽¹⁾ ra ngoài sân.

Sáng hôm nay, thầy giáo hỏi học-trò: « Các anh có biết con vật nào là vật to hơn cả không? »

Sáu không để tai nghe câu thầy hỏi, đứng dậy đáp ngay rằng: « Thưa thầy con ạ ».

Anh em cười âm lên.

Thầy giáo cũng bật cười mà bảo rằng: « Mày là con vật à? Nếu mày học-hành cứ lơ-đễnh như thế, thì ngày sau dốt-nát cũng chẳng khác gì con vật ».

Câu hỏi. — Ở lớp học, thằng Sáu thích làm gì hơn là để tai nghe lời thầy dạy? — Thầy giáo hỏi gì? — Sáu đáp làm sao? — Thầy giáo bảo Sáu gì?

CÁCH-NGÒN. — *Học mà không chú ý, thì chẳng học được gì cả.*

(1) vác mặt.

Ở đời ai cũng phải làm. Có làm thì mới có ăn. Làm việc là cái bổn-phận thứ nhất của người ta.

TIÊU DẪN. — Ai ai cũng làm việc.

Cha anh làm việc cả ngày ở ngoài đồng hay trong *xưởng* thợ. Mẹ anh bán hàng ở ngoài chợ. Chị anh coi-sóc các anh và trông nom ⁽¹⁾ cơm nước.

Thợ nề làm nhà; thợ rèn rèn sắt; thợ dệt dệt vải; thợ may may quần áo. Thấy thuốc chữa bệnh; thấy giáo dạy học-trò.

Con ong *gây* (gây) mật; con chim làm tổ ⁽²⁾ hay đi kiếm mồi về nuôi con.

Các anh xem có phải là muôn vật trong trời đất đều làm việc cả không. Các anh còn nhỏ, chưa làm được việc gì, nhưng các anh cần phải học-hành để ngày sau làm được việc có ích cho mình, cho xã-hội.



Giải nghĩa. — *Xưởng* = nơi có nhiều thợ làm việc. — *Gây* = cũng nghĩa như làm.

Lò rèn.

Câu hỏi. — Cha anh làm gì? — Mẹ anh làm gì? — Chị anh làm gì? — Thợ nề, thợ rèn, thợ dệt, thợ may, thầy thuốc, thầy giáo làm gì? — Con ong, con chim làm gì? — Còn anh, anh phải làm gì ngay từ bây giờ?

CÁCH-NGÔN. —

Có khó mới có miếng ăn.

(1) coi — (2) ổ.

Ta phải chăm học. Không nên hơi vãng đầu, số mũi đã lầy nê (cớ) mà xin nghỉ. Việc gì nên làm thì làm ngay, đừng để chậm trễ.



Cha nói chuyện với con.

TIÊU DẪN. — **Buổi học cuối cùng.**

Một buổi chiều, cơm nước xong, thấy anh Sửu gọi anh mà bảo rằng: « Ta nghe trong mình nhọc mệt, mà mẹ con thì cũng già yếu rồi. Vậy từ mai trở đi thì con thôi học, ở nhà để giúp đỡ thầy mẹ. » Mấy lời đó làm cho anh Sửu buồn-bã vô cùng. Từ khi anh đi học, nào có thiệt gì đến học! Anh chỉ mê chơi, nay nghỉ, mai nghỉ. Bây giờ phải thôi học, thành ra dở-dang chẳng biết gì cả. Ấy cũng vì lúc đi học anh không chuyên cần chăm-chỉ nên mới chịu dốt cả đời.

Câu hỏi. — Cha anh Sửu bảo anh gì? — Tại làm sao anh phải thôi học? — Anh hối-bận như thế nào?

Đứa học-trò xấu làm phiền cho thầy và cho cha mẹ, làm gương xấu cho anh em bạn. Ta không nên chơi với nó.

TIÊU DẪN. — Đứa trẻ mất dạy.



Đông đánh ban.

Thằng Đông là đứa trẻ hư lắm. Nó lơ-dễnh và làm biếng, nên học-hành không tận-tới. Nó hay khoe-khoang và kiêu ngạo, hay sinh sự cãi nhau với anh em, nên không ai muốn chơi với nó.

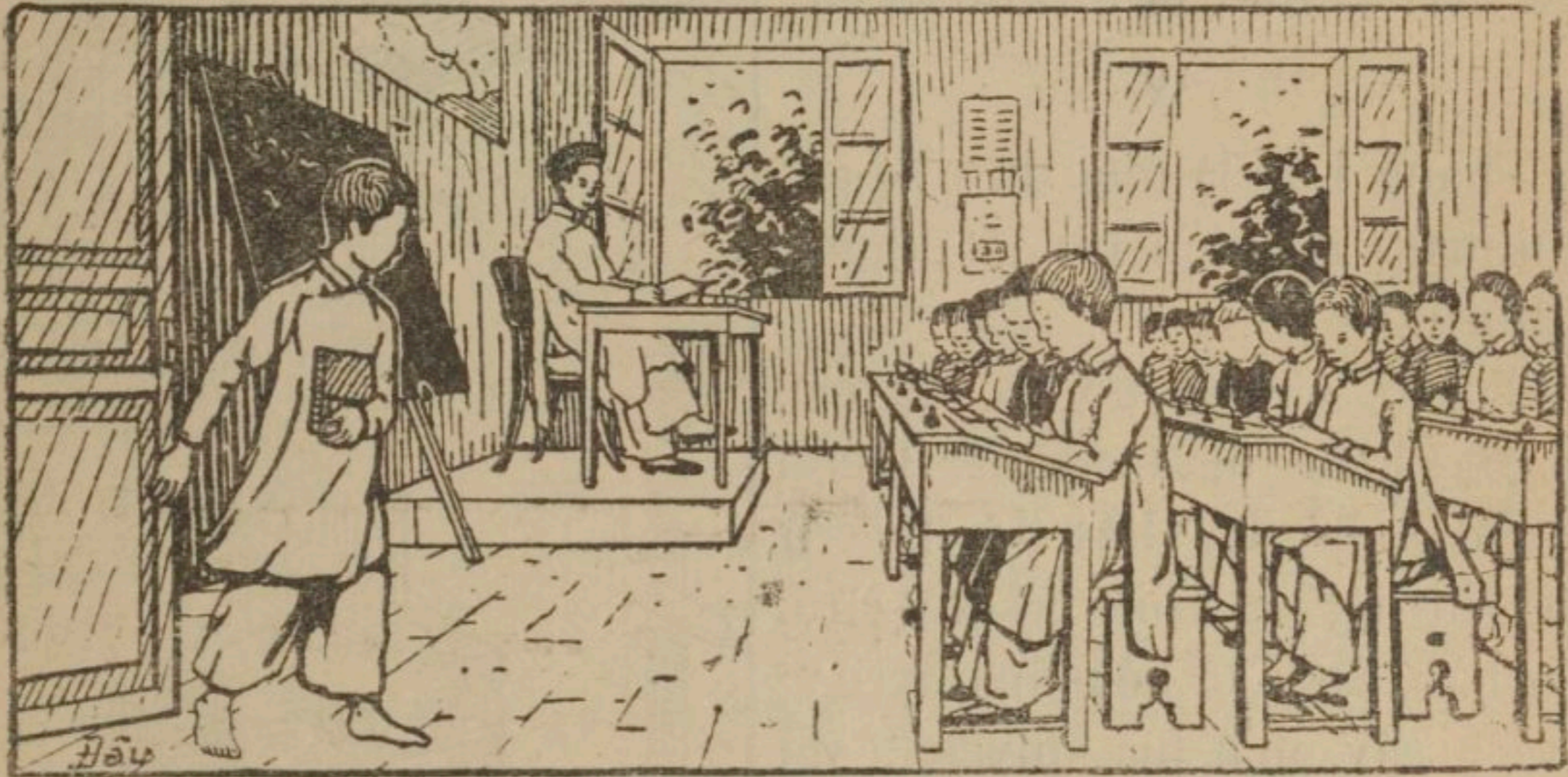
Ở nhà, cha mẹ bảo nó điều gì nó cũng không nghe. Thằng Đông lại vô phép vô tác, nói dối nói dá (trá), nên ai cũng ghét. Nếu nó không chịu sửa mình lại, thì ngày sau sẽ khổ đên thân.

Câu hỏi. — Thằng Đông học-hành thế nào? — Nó ăn ở với anh em bạn thế nào? — Nó còn có những tính xấu gì nữa? — Nếu Đông không chịu sửa mình thì ngày sau thế nào?

CÁCH-NGÒN. — *Gần mực thì đen.*

Người lười (1) đã không làm được việc gì, lại còn ăn hại. Ai lười (2) biếng thật là đáng khinh bỉ.

TIÊU DẪN. — Thăng lười.



Đông đi học trễ

Học-trò đã vào học được một lúc rồi, mới thầy thăng Đông mở cửa vào. Nó dè trễ là vì nó ngủ trưa. Ấy là còn khá, có hôm nó còn giả ốm (3) để nghỉ học ở nhà. Nó lười (2) biếng như thế, cho nên đi học đã hơn sáu tháng, mà chưa đọc được, chưa viết được quốc-ngữ. Thấy giáo quở phạt nó luôn.

Nếu nó không chăm học, thì rồi nó chịu dốt suốt đời.

Câu hỏi. — Tại làm sao Đông đi học trễ? — Có khi Đông giả làm gì để trốn học? — Nếu không học thì ngày sau làm sao?

CÁCH-NGÔN — *Cần hưu công, hi vô ích.*

(1) biếng nhác — (2) làm — (3) đau.

Đồ vật để bẽ-bộn, công việc làm hồ-dồ, thế là không có thứ-tự. Người không có thứ-tự thường hay rời việc, mất thời giờ.

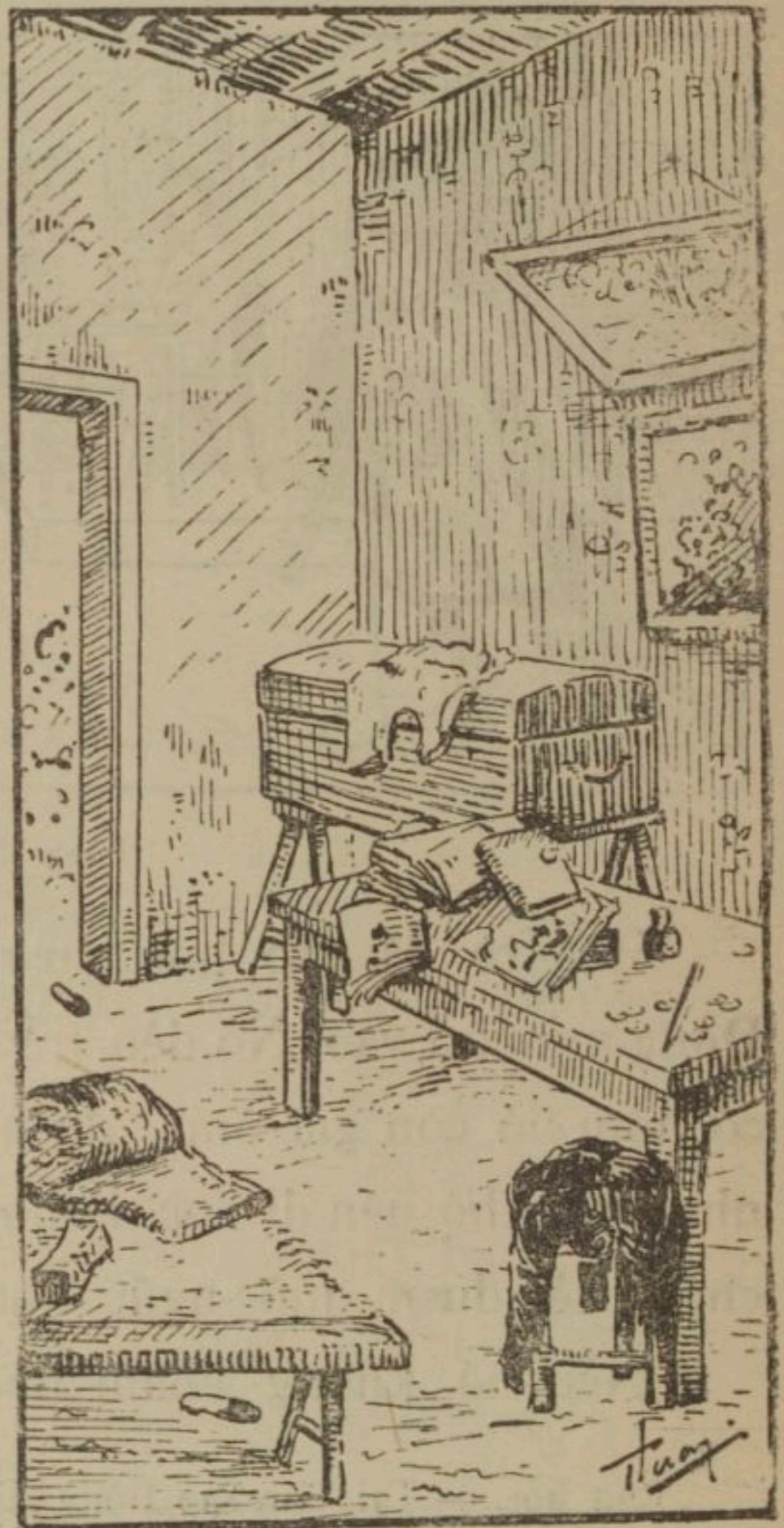
TIỂU DẪN. — Đứa bé (1) không có thứ-tự.

Thằng Lân là một đứa bé nết na, nhưng nó phải cái tật không có thứ-tự.

Trong phòng nó ở, đồ-đạc, chăn (2) chiều ngọn-ngang. Quần áo bừa bãi bỏ đó. Giày thì chiếc ở gậm giường (3), chiếc ở xó cửa. Trên bàn, sách vở bẽ-bộn, quyển (4) thì rách gáy, mặt bìa, quyển (4) thì nhỏ-nhem (lọ-lem) những mực. Bình mực thì không có nút, quần bút (5) thì không có ngòi.

Thằng Lân không có thứ-tự như thế, nên lúc nó cần đến cái gì, phải tìm (6) mãi mới thấy.

Câu hỏi. — Thằng Lân là đứa bé thế nào? — Trong phòng nó, chiếu chăn, đồ-đạc thế nào? — Quần áo thay ra, nó vứt đâu? — Sách vở nó hư hỏng thế nào? — Bút mực nó để làm sao?



Đồ-đạc ngọn-ngang.

CÁCH-NGÔN. — *Không có thứ-tự thì hay tốn công
hỏng việc.*

(1) nhỏ — (2) mền — (3) dưới sân — (4) cuốn — (5) viết — (6) kiếm.

Không có ý tứ thường làm hỏng⁽¹⁾ (sai) việc, và có khi nguy đến thân. Vậy làm việc gì ta phải có ý tứ và cẩn-thận.

TIÊU DẪN. — Một đứa bé lơ-dễnh⁽²⁾.

Giáp có tính hay nghịch và làm cái gì cũng không có ý tứ. Ở bên làng-diêng, người ta mua cát về đổ thành đồng để sắp làm nhà. Giáp đi qua hay nhảy vào giữa đồng cát chơi. Một hôm, thợ nề đem vôi trộn với cát. Giáp không biết, cứ quen như mọi ngày, chạy từ xa nhảy vào giữa đồng vôi, ngập quá đầu gối. Giáp không sao lòi chân lên được, kêu la râm-rỉ. Người làng-diêng nghe tiếng, ra kéo nó lên, quần áo làm bết những vôi. Về nhà, cha mẹ trông⁽³⁾ thấy, mắng đánh, Giáp kêu van xin chữa, từ nay không dám lơ-dễnh⁽²⁾ như thê nữa.

Câu hỏi. — Giáp có tính xấu gì? — Tại sao nó nhảy vào đồng vôi? — Nó nhảy vào đồng vôi rồi thế nào? — Cha mẹ nó thấy thế thì làm gì?



Giáp nhảy vào đồng vôi.

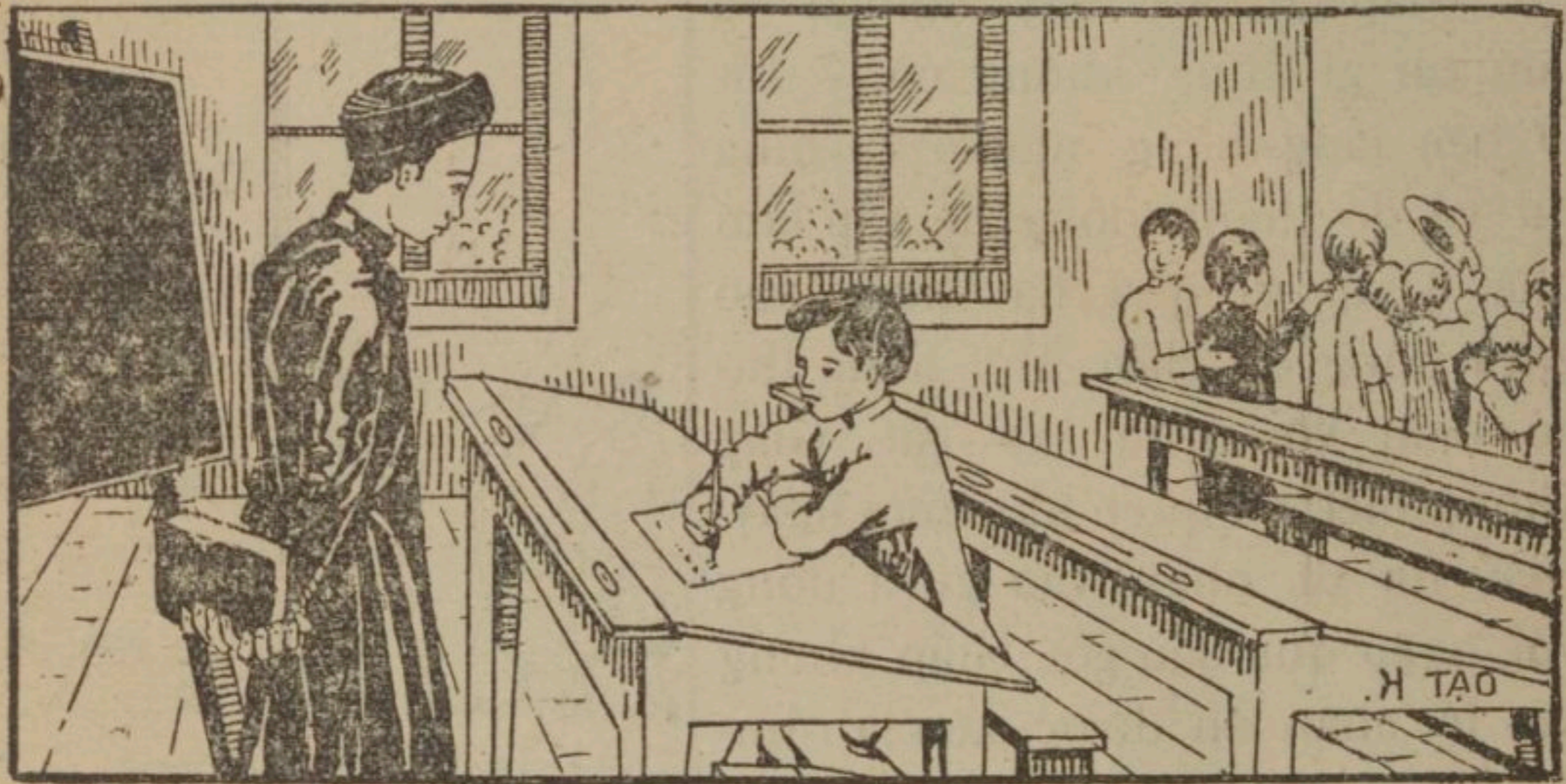
CÁCH-NGÔN. — *Làm việc gì cũng phải có ý tứ.*

(1) hư — (2) đĩnh — (3) ngó.

Đứa trẻ ương-ngạnh là đứa trẻ làm cái gì cũng tự ý mình ai nói thế nào cũng không được. Ương-ngạnh thì ai cũng ghét.

Ta nên nghe lời những bậc phụ huynh dạy bảo, thì rồi mới nên được người ngay lành.

TIỂU DÂN. — Một đứa trẻ ương-ngạnh.



Ngọ phải phạt ở lại.

Ngọ là đứa trẻ tinh lanh, nhưng tính hay ương-ngạnh. Nó đã làm cái gì, thì ai bảo làm sao nó cũng không nghe. Đã nhiều lần ở nhà bị cha mẹ đánh mắng vì nổi cứng đầu cứng cỏi.

Một hôm, đang buổi học, nó nói chuyện. Thấy bảo ngồi im ⁽¹⁾, nhưng nó cứ nói. Thấy bắt nó đứng dậy, nó không đứng. Lúc tan buổi học, nó phải phạt ở lại hơn nửa giờ mới được về. Nếu nó cứ ương-ngạnh như thế, rồi có ngày phải đuổi, không được học nữa.

Giải nghĩa. — *Phụ huynh* = phụ là cha, huynh là anh. Nói rộng là bậc ngang với cha với anh mình.

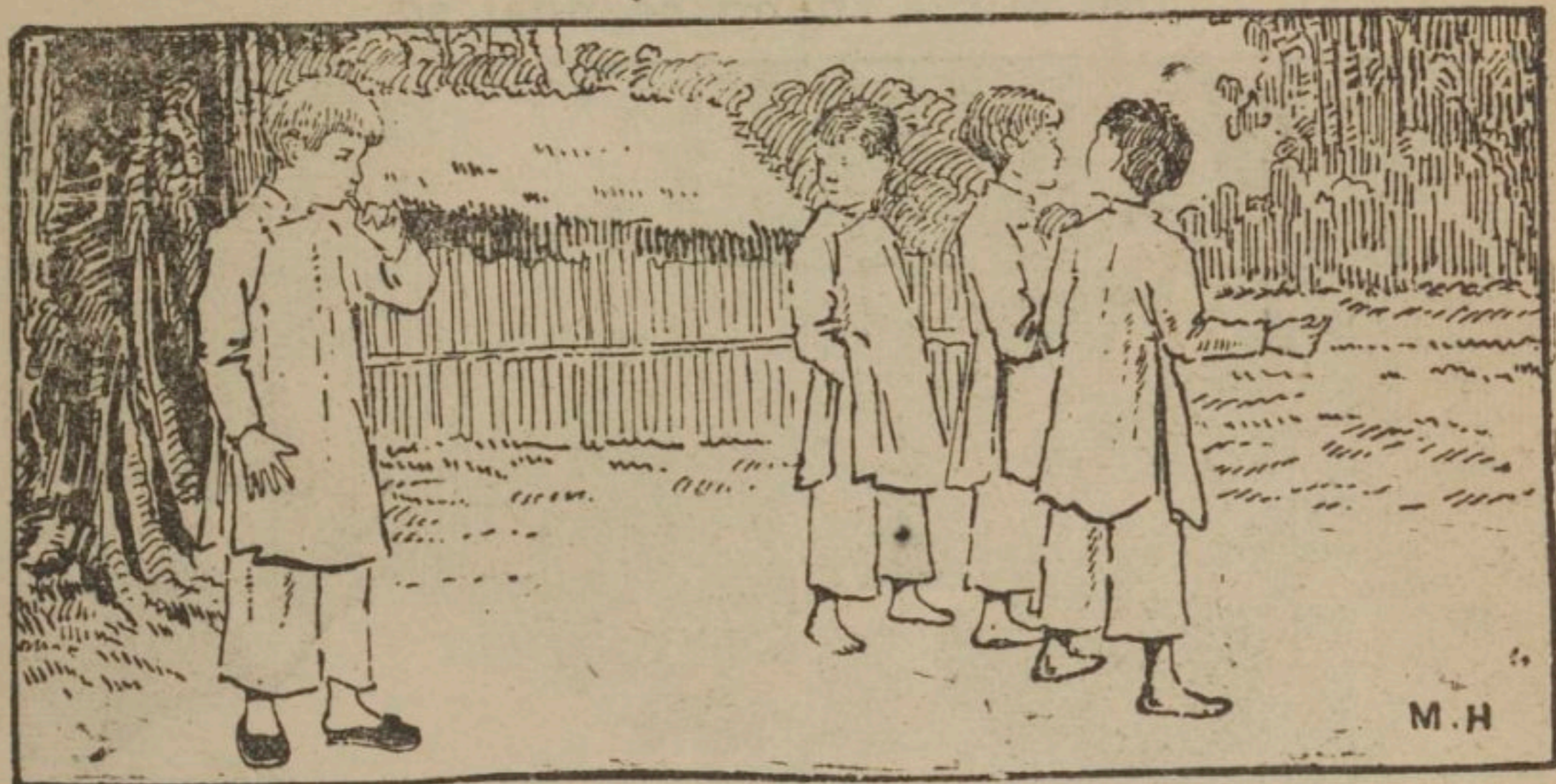
Câu hỏi. — Ngọ có tính xấu gì? — Tại làm sao ở nhà cha mẹ nó hay đánh mắng nó? — Một hôm, tại sao nó phải phạt?

CÁCH-NGỒN. — *Cá không ăn muối cá won.*

(1) nín lặng.

Những kẻ hay khoe-khoang và hợm mình (1) thì thật là dờm (2) và khó chịu. Những kẻ như thế thì không ai ưa, mà ai cũng khinh bỉ.

TIÊU DẪN. — Một đứa trẻ hợm mình (1).



Anh em bỏ Dân đứng một mình.

Dân là con ông Bá, nhà giàu. Một hôm, Dân đóng quần áo vào, rồi đi ra đường, có ý khoe mình có quần áo đẹp. Gặp lũ anh Tí là bạn học, đèn rủ Dân đi chơi. Dân lên mặt, nói rằng: « Chúng bay ăn mặc như thế kia, tao nào thèm đi chơi với chúng bay! » Bọn anh Tí mắng lại rằng: « Mày tưởng mày có quần lành áo tốt, là mày hơn người hay sao? Mày là một thằng hợm mình (1), đi mà chơi với các công-tử. » Nói xong, bọn anh Tí đem nhau đi chơi, chuyện trò vui-vẻ, để Dân đứng lủi-thủi với cái hợm (1) của mình.

Giải nghĩa. — *Dờm* = làm cái gì đáng chê cười. — *Hợm mình* = cậy mình có quần áo đẹp hay có nhiều tiền của mà lên mặt. — *Công-tử* = con các quan.

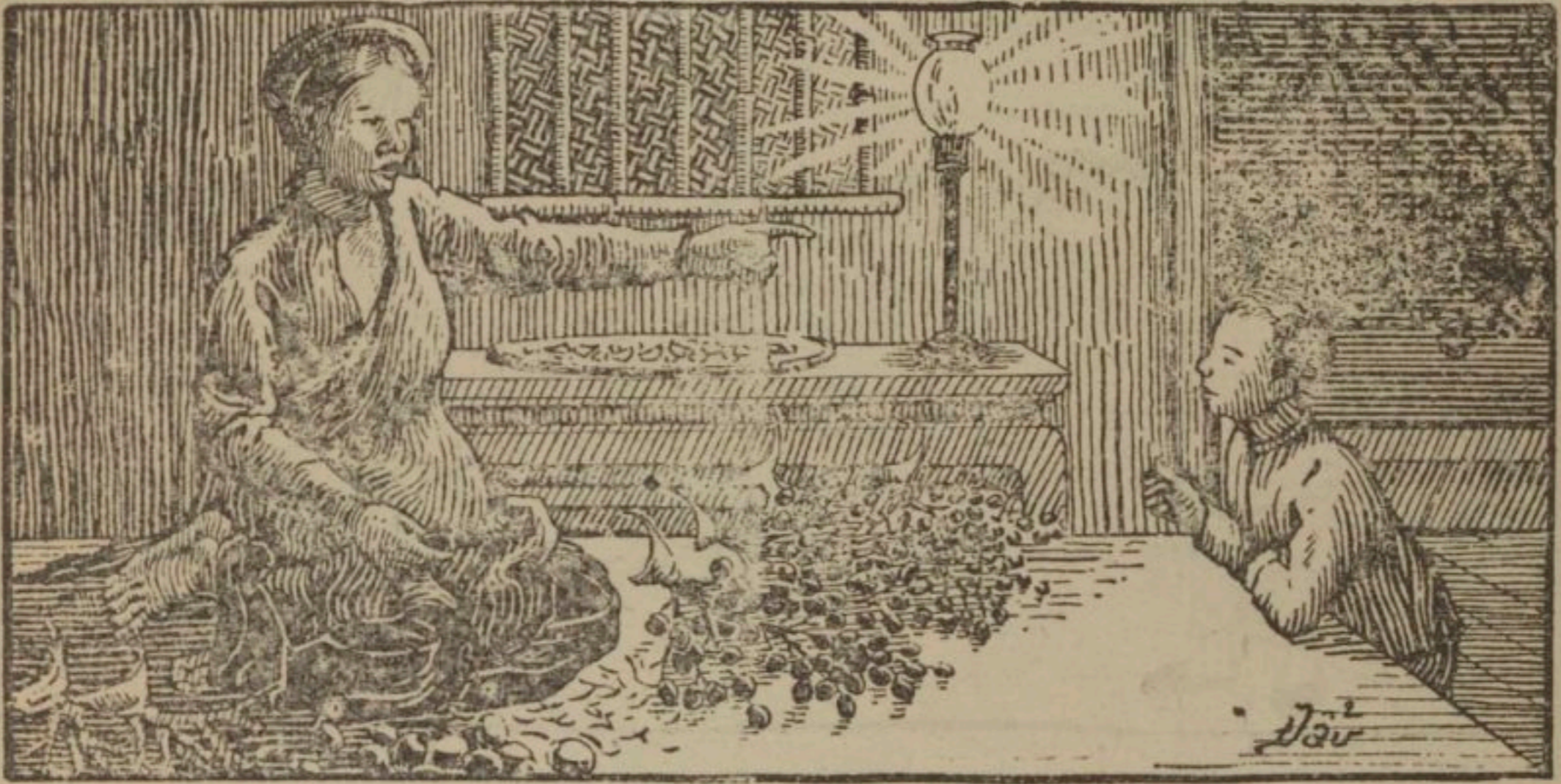
Câu hỏi. — Tí rủ Dân đi đâu? — Dân nói thế nào? — Bọn anh Tí mắng lại thế nào?

CÁCH-NGÔN. — *Chớ nên khoe mình.*

(1) kiêu căng — (2) dờm.

Tại làm sao mà người ta hay sợ? Sợ là tại có tính nhu nhược và không chịu nghĩ. Vậy khi có cái gì làm cho ta sợ, thì ta hãy xét xem có thật đáng sợ không đã, đừng có sợ hãi⁽¹⁾ mà người ta cười là nhát.

TIỂU DÂN. — Thằng bé nhát sợ.



Mẹ sai Ba ra vườn.

— Ba, ra vườn lấy cái rổ đem vào đây cho tao.

— Thưa mẹ, con sợ lắm.

— Sợ cái gì?

— Trời tối lắm, con sợ ma.

— Ai bảo mày có ma? Ma ở đâu? Chỉ nói nhằm⁽¹⁾ thôi.

Đi ra xách cái rổ vào đây cho tao. Con trai đâu mà nhát (non gan) thế.

Ba nghe lời mẹ, chạy ra vườn lấy cái rổ vào, ra dáng bạo dạn lắm.

Giải nghĩa. — *Nhu nhược* = nhu là mềm; nhược là yếu. Nhu nhược là hèn yếu, không có can đảm.

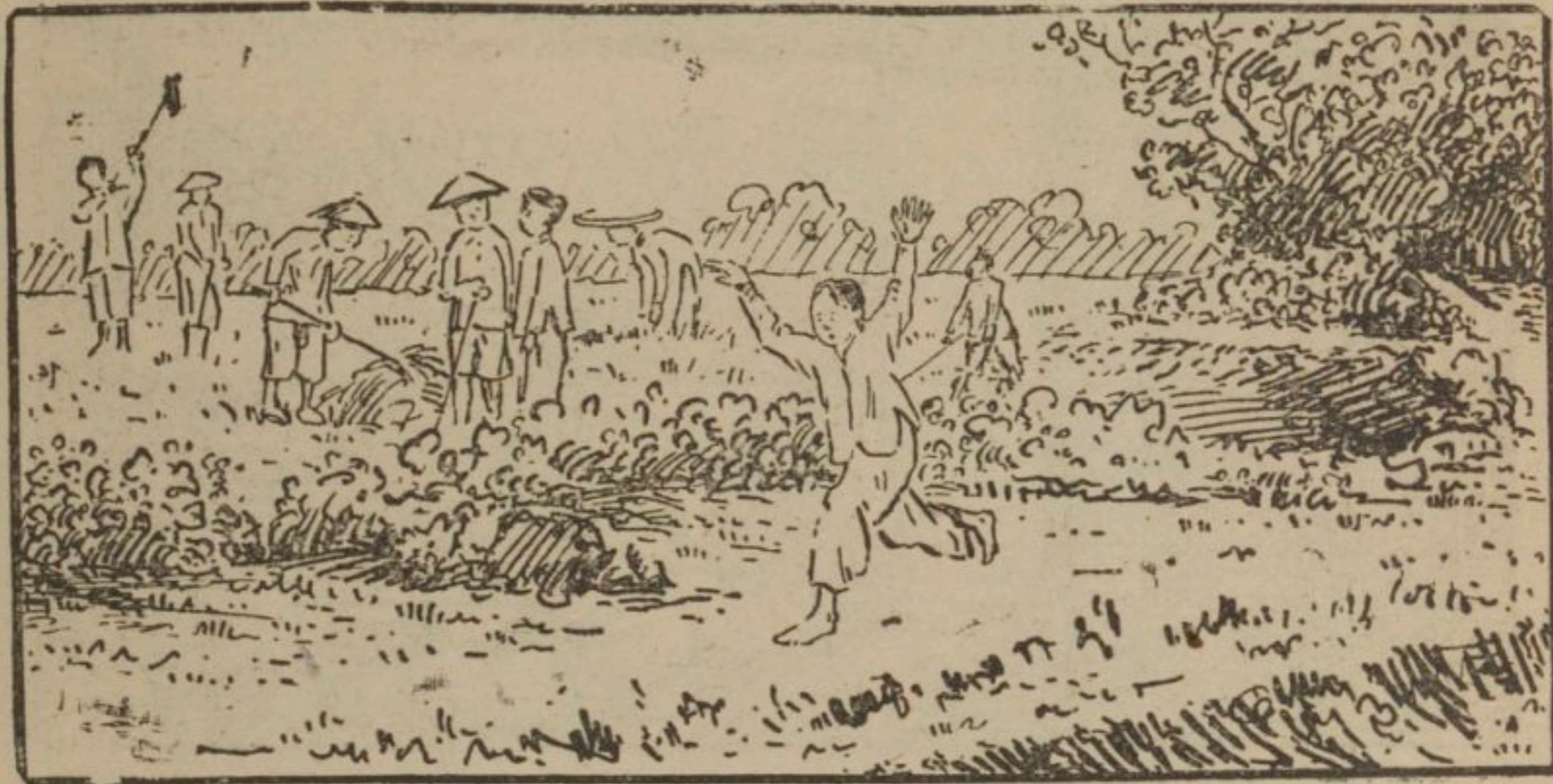
Câu hỏi. — Mẹ Ba bảo Ba gì? — Ba trả lời thế nào? — Nhát sợ là thế nào? — Không nhát sợ gọi là gì?

CÁCH-NGÔN. — *Đứa trẻ có can đảm không bao giờ sợ cái không đáng sợ.*

(1) bậy.

Nói dối là bụng nghĩ một đằng, mồm⁽¹⁾ nói một nẻo. Ta không nên nói dối bao giờ. Nói dối là một tính rất xấu.

TIỂU DẪN. — Đứa trẻ nói dối.



Ất kêu cháy.

Ất là con người hàng nước⁽²⁾ ở trên bờ đê. Nó có tính hay nói dối. Đã nhiều lần nó kêu cháy để đánh lừa⁽³⁾ người ta mà cười. Một hôm, cha mẹ nó đi vắng, lửa bốc lên cháy nhà. Nó chạy vào trong làng kêu cháy rầm lên. Nhưng người ta tưởng là nó lại nói dối để đánh lừa⁽³⁾, cho nên không ai ra cứu. Đến khi biết là cháy thật, thì chữa không kịp nữa. Bây giờ Ất mới biết nói dối là dại và thiệt cho mình.

Câu hỏi. — Ất có cái tính xấu gì? — Tại làm sao khi Ất kêu cháy, không ai ra cứu? — Sự nói dối thiệt hại thế nào?

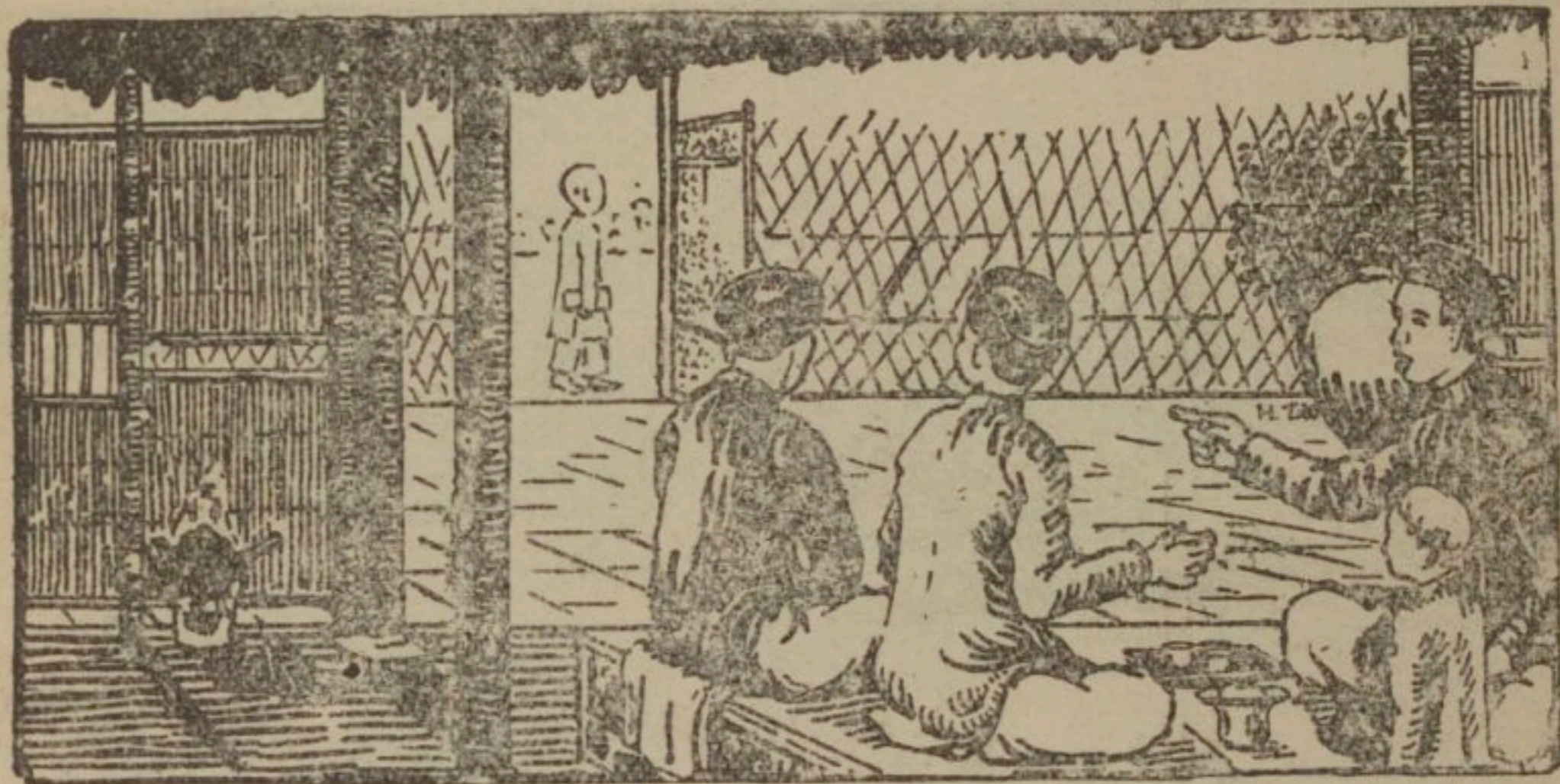
CÁCH-NGÔN. — *Một lời nói dối, sáu đời bảy ngày.*

(1) miệng — (2) bán quán — (3) nói gạt.

Đem chuyện xấu của người ta ra mà nói làm cho người ta mất danh-giá, là mình xấu bụng, không có độ-lượng.

Ta chớ nên nói xấu ai bao giờ.

TIỂU DẪN. — Một đứa trẻ hay nói xấu.



Ông Mậu nói chuyện anh Bình.

Một hôm, ở nhà ông Mậu có mấy người đang ngồi uống nước, nói chuyện. Ông Mậu trông thấy anh Bình đi qua cửa, mới trở mà nói rằng: « Thằng bé kia là con ông Hai ở gần đây. Nó ngoan⁽¹⁾, lại học giỏi nữa. Nghe đâu thầy giáo khen nó lắm. — Anh Ngọ ngồi gần đây, thầy cha khen anh Bình, liền nói rằng: « Cha đừng tưởng Bình học giỏi đâu, vừa hôm kia đây, nó không thuộc bài, bị thầy mắng. Người ta lại còn nói nó có tính tham ăn nữa đây ». — Ông Mậu trừng mắt lên, mắng Ngọ rằng: « Không biết chuyện thằng Bình thật hư thế nào, nhưng hãy biết mày nói xấu nó, mày là một đứa hư rồi. Mày hãy giữ mình mày cho trong sạch, chớ nên nói xấu người ta ».

Giải nghĩa. — Độ-lượng = bụng rộng-rãi.

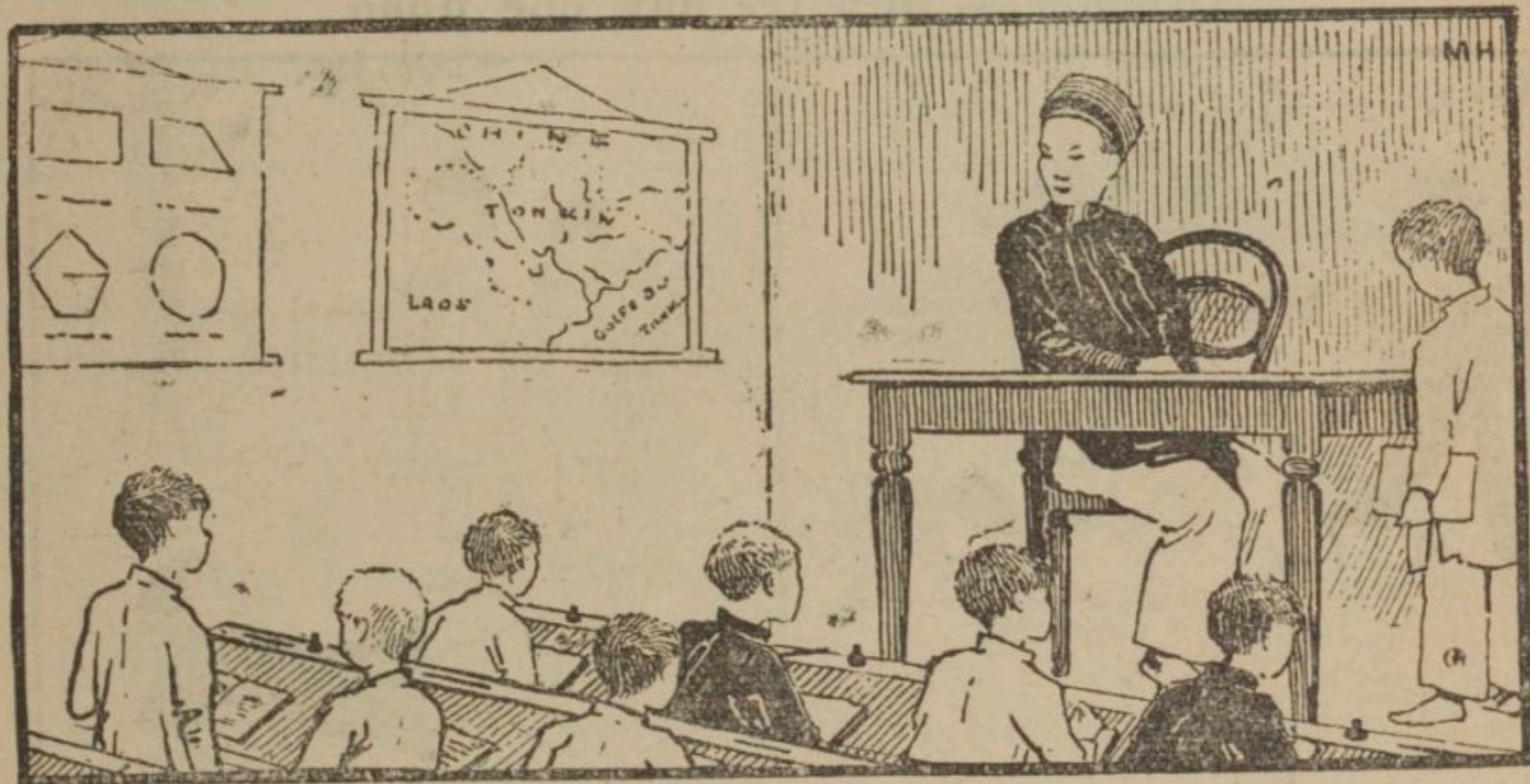
Câu hỏi. — Ông Mậu trông thấy Bình đi qua cửa, nói thế nào? — Ngọ thấy cha khen Bình, nói thế nào? — Ông Mậu mắng con thế nào?

CÁCH-NGÔN. — *Soi chân mình rồi hãy soi chân người.*

(1) nết-na.

Đưa trẻ hay mách lẻo làm cho anh em bạn phải phạt, là đưa trẻ bụng dạ hèn mạt, làm điều đáng khinh bỉ. Ta không nên mách lẻo.

TIỂU DẪN. — Một đứa trẻ xấu bụng.



Thầy giáo măng Nghiêm.

Anh Nhị nghỉ học một ngày, hôm sau đèn trường nói dối thầy rằng: « Hôm qua con sốt ⁽¹⁾, không đi học được ». Nghiêm ngồi ở cuối lớp, muốn làm cho Nhị phải phạt, đứng dậy mách rằng: Thưa thầy, anh Nhị nói dối đây ạ, hôm qua con trông thầy anh ấy đi câu với một người nữa ở ngoài bờ sông. » — Thầy giáo ngoảnh lại măng Nghiêm rằng: Tao có hỏi mày đâu, mà mày nói? Thằng Nhị nói dối, có tội đã đành, nhưng mày mách lẻo như thế, thì mày là đứa vô hạnh. » Cả lớp nhìn Nghiêm ra dáng khinh bỉ lắm. Nghiêm then đỏ mặt, cúi gằm đầu xuống.

Giải nghĩa. — Vô hạnh = vô là không, hạnh là nết tốt; nghĩa là không có nết tốt.

Câu hỏi. — Nhị nghỉ học một ngày đến nói với thầy thế nào? — Nghiêm đứng dậy nói gì? — Thầy măng Nghiêm làm sao?

CÁCH-NGÔN. — *Việc mình mình biết, việc người người hay.*

(1) nóng lạnh.

46. — Tính hay chê nhạo (nhạo cợt).

Ta chớ nên chê-nhạo ai bao giờ. Khi ta thấy ai gặp việc chẳng may, thì ta phải săn-sóc hỏi-han, tìm cách giúp đỡ người ta. Như vậy mới phải đạo làm người.

TIỂU DẪN. — Đứa trẻ hay chê nhạo.



Đình cười Giáp.

Anh em cười Đình.

Giờ nghỉ học, học-trò ra chơi ngoài sân, Giáp chạy vấp, ngã vào một cái cây, đứng ôm bụng mà khóc. Anh Nhân và mấy người nữa chạy lại săn-sóc hỏi-han.

Đình thấy thế thì đứng cười và lại chê Giáp rằng: « Anh đau bụng đây à? Sao mà kêu khóc thế? » Chẳng ngờ được một lát, Đình cũng trượt chân ngã, đứng nhăn nhó kêu đau. Anh em thấy thế, ai cũng cười chê lại rằng: « Thế bây giờ anh đau răng đây à? »

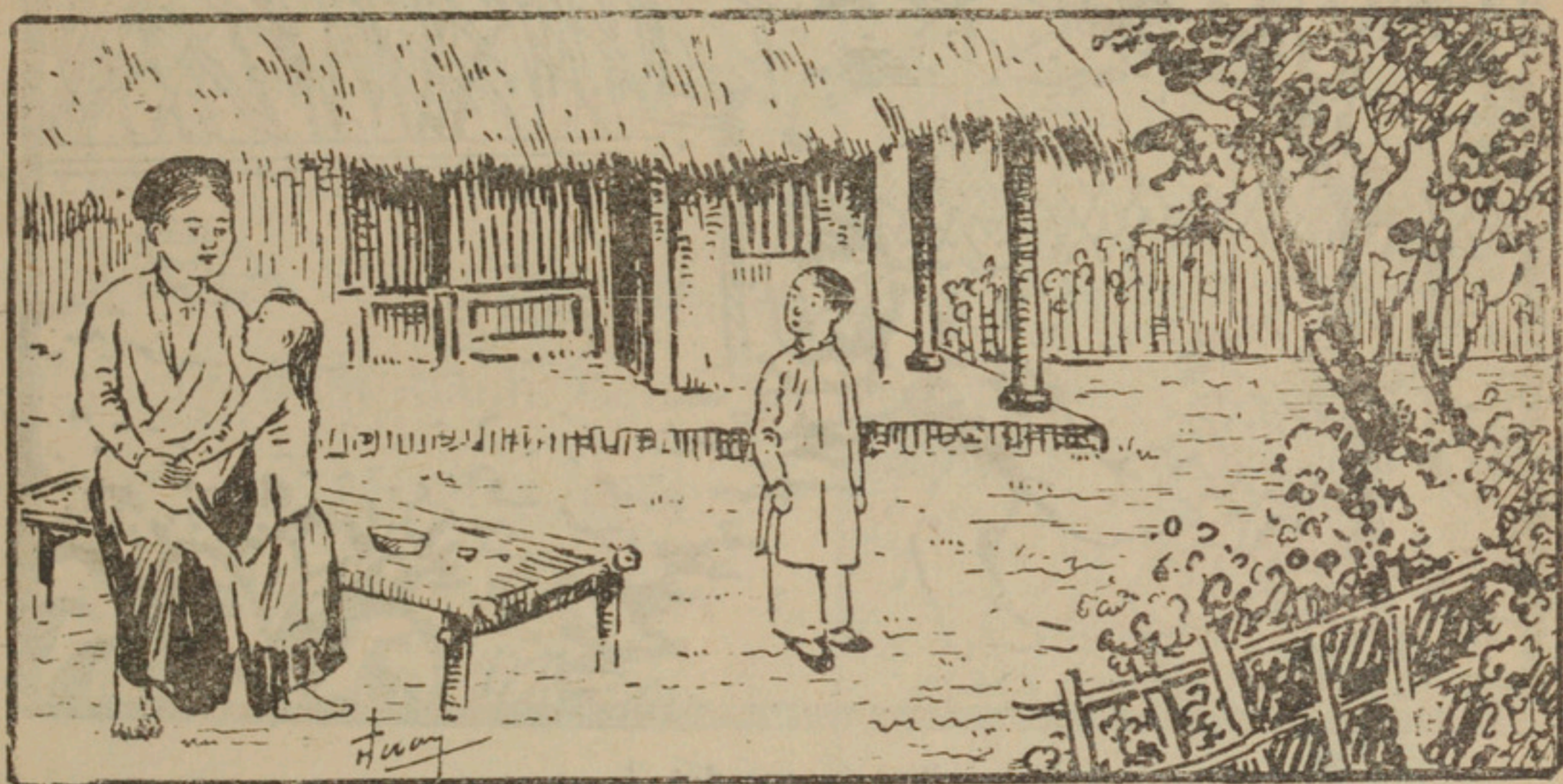
Đình vừa mới chê Giáp xong, bây giờ lại bị người ta chê mình, thật là đáng kiếp.

Câu hỏi. -- Tại làm sao mà Giáp khóc? — Bọn anh Nhân đến làm gì? — Đình trông thấy Giáp khóc thì nói gì? Đến khi Đình ngã thì anh em bạn nói thế nào?

CÁCH-NGÔN. — *Cười người hôm trước, hôm sau người cười.*

Anh em, ai được sung-sướng thì ta mừng; bạn hữu, ai học-hành được tân-lối thì ta vui. Ta chớ nên ghen tị (ghen-ghét) với ai, chớ nên đem lòng làm hại ai bao giờ.

TIỂU DẪN. — Một đứa trẻ hay ghen.



Mão ghen với em.

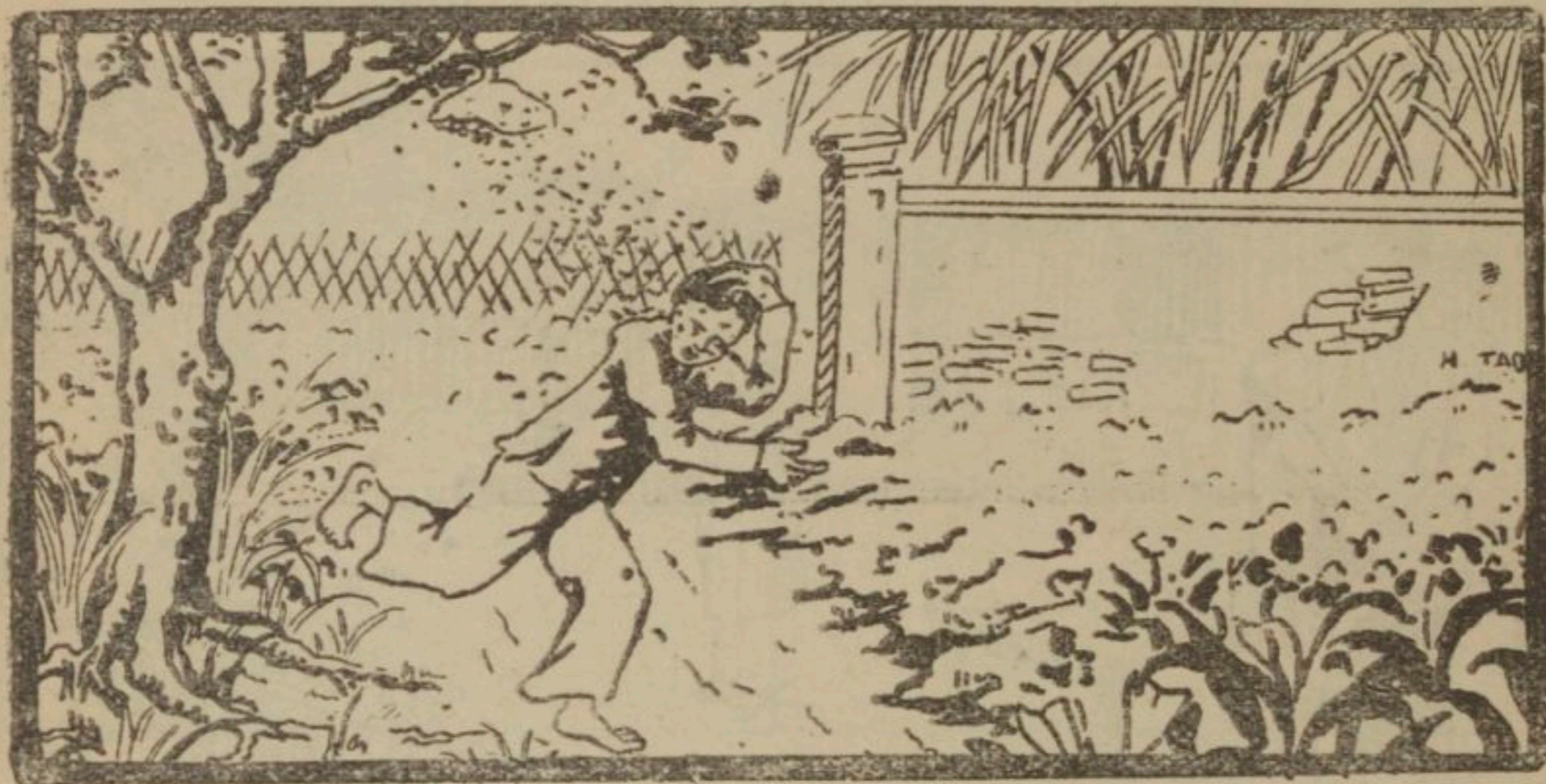
Mão thấy mẹ yêu em hơn mình, ra bộ ghen tị. Bà mẹ biết ý, mới gọi Mão mà bảo rằng: « Em con nó còn dại, chưa biết gì, cho nên mẹ phải yêu nó, chiều nó. Con thì đã lớn rồi, đã biết nghĩ, có lẽ nào lại muốn mẹ coi cũng như đứa con-nít hay sao. Thế mà bao giờ con thấy mẹ yêu em, thì con lại có ý không vui là nghĩa làm sao? Con phải biết rằng ghen tị như thế là một thói xấu, phải chữa đi mới được ».

Câu hỏi. — Mão thấy mẹ yêu em thì ra bộ làm sao? — Bà mẹ gọi Mão mà bảo gì? — Tính ghen là thế nào?

CÁCH-NGÔN. — *Ghen-ghét là một thói xấu.*

Khi ta nói điều ⁽¹⁾ gì, hay làm việc gì, ta phải giữ mình, đừng có nóng-nảy, tức giận. Tức giận lên thì thường quên mặt cả lẽ phải, và có khi sinh ra làm xằng ⁽²⁾.

TIÊU DẪN. — Vì tức giận mà bị ong đốt ⁽³⁾.



Đình bị ong đốt ⁽³⁾.

Đình ra chơi ngoài vườn, thầy ở bụi cây có cái hoa đẹp ⁽⁴⁾, chạy lại hái, để vào mũi người. Chẳng ngờ có con ong ở trong hoa ⁽⁵⁾, đốt ⁽³⁾ ngay vào cằm, rồi bay đi mất. Đình tức giận, đuổi đánh con ong. Bỗng thầy gán dây có tổ ⁽⁶⁾ ong, càng giận thêm, liền lấy hòn đá ném vào giữa tổ. Đàn ong bay ra, xúm lại đốt Đình sưng cả mặt. Ấy cũng vì tức giận mà thành phải chịu đau.

Câu hỏi. — Đình trông thấy gì ở bụi cây? — Khi bị con ong đốt thì nó làm gì? — Khi Đình cầm đá ném vào tổ ong thì bị làm sao?

CÁC T-NGÔN. — *No mặt ngon, giận mặt khôn.*

(1) đều — (2) quấy — (3) chích — (4) bông tốt — (5) bông — (6) tổ.

Tàn bạo là một tính rất xấu. Người ta đối với kẻ hèn yếu hay giống súc vật, bao giờ cũng phải nhân từ thì mới phải đạo.

TIÊU DẪN. — Một đứa trẻ tàn bạo.

Một hôm, Định trông thấy con chó nhà láng giềng chạy vào nhà mình, nó liền đóng cửa lại, rồi lấy gậy đuổi đánh. Con chó kêu râm lên và chạy đánh đờ võ⁽¹⁾ cả đờ-đạc. Định thấy vậy lại càng đuổi đánh mãi. Sau con chó tức lên, nhảy vào cắn chân Định một miếng thật đau. Định ngồi ôm chân mà khóc.

Giải nghĩa. — Nhân từ = hiền lành, ăn ở có lòng thảo.

Câu hỏi. — Khi Định trông thấy con chó chạy vào nhà mình, thì làm thế nào? — Định lấy gì mà đánh con chó? — Con chó tức lên làm thế nào?



Định đánh con chó.

CÁCH-NGÔN. — *Ca chó nên tàn bạo.*

(1) bẻ.

Những đứa độc ác thì ai cũng ghét. Bé mà độc ác thì lớn lên thành ra người bất nhân.

TIỂU DẪN Một đứa độc ác.



Thầy giáo măng Quý.

Thằng Quý là một đứa độc ác, chơi với ai chỉ tìm cách hại người ta. Một hôm, ở lớp học, nó lấy bút⁽¹⁾ của Nhân ngồi bên cạnh, cắm vào khe bàn, làm cho ngòi bút⁽¹⁾ quắn lên. Đền khi thầy giáo bảo học-trò viết ám-tả, Nhân cắm đền bút⁽¹⁾, thì thầy ngòi bút⁽¹⁾ hỏng, không biết làm thế nào, mới ngồi khóc.

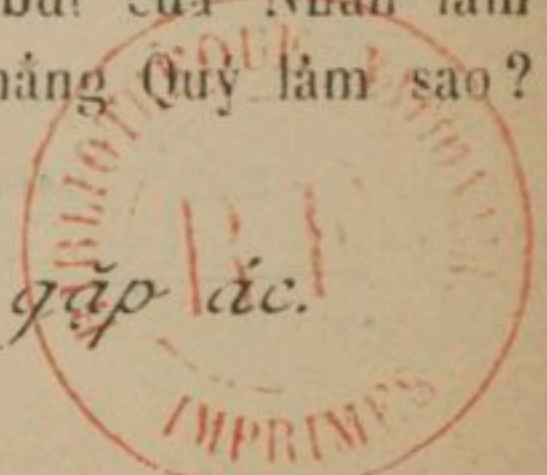
Trước thầy giáo đã trông⁽²⁾ thầy thằng Quý nghịch bút⁽³⁾, lúc ấy mới biết là bút⁽¹⁾ của Nhân, bèn gọi⁽⁴⁾ Quý lên mắng và bắt phạt, rồi lấy ngòi bút⁽¹⁾ khác cho Nhân.

Giải nghĩa. — *Bất nhân* = bất là chẳng, nghĩa là bạc ác, không lương thiện.

Câu hỏi. — Thằng Quý có tính xấu gì? — Nó lấy bút của Nhân làm gì? — Nhân thấy bút hỏng thì làm gì? — Thầy giáo măng Quý làm sao?

CÁCH-NGÔN. — *Ồ* hiện gặp lành, ở ác gặp ác.

(1) viết — (2) ngó — (3) rón mắt lấy cây viết — (4) kêu.



MỤC-LỤC

Số bài	Số trang
Tựa	2

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Bòn-phận đối với gia-tộc

1. — Gia-tộc	3
2. — Yêu mến cha mẹ	4
3. — Kính trọng cha mẹ	5
4. — Vâng lời cha mẹ	6
5. — Biết ơn cha mẹ	7
6. — Giúp đỡ cha mẹ	8
7. — Phải thật-thà với cha mẹ	9
8. — Anh em, chị em	10
9. — Đối với ông bà	11
10. — Thờ phụng tổ-tiên	12
11. — Người trong họ	13
12. — Tòì-tớ trong nhà	14
13. — Người quen thuộc với nhà mình	15
14. — Một nhà sum-hợp	16
15. — Một nhà hòa-hợp	17
16. — Nghĩa gia-tộc	18

CHƯƠNG THỨ HAI

Bòn-phận đối với học-đường

17. — Trường học	19
18. — Phải yêu mến thầy	20
19. — Phải tôn kính thầy	21
20. — Phải vâng lời thầy	22
21. — Phải biết ơn thầy	23
22. — Phải thật-thà với thầy	24
23. — Chuyên cần	25
24. — Đi học phải đúng giờ	26

Số bài	Số trang
25. — Lòng tốt đối với bạn	27
26. — Phải biết chiều bạn	28
27. — Phải bênh vực kẻ yếu	29
28. — Giúp đỡ lẫn nhau	30
29. — Nghĩa hợp-quần	31

CHƯƠNG THỨ BA

Học-trò tốt, học-trò xấu.

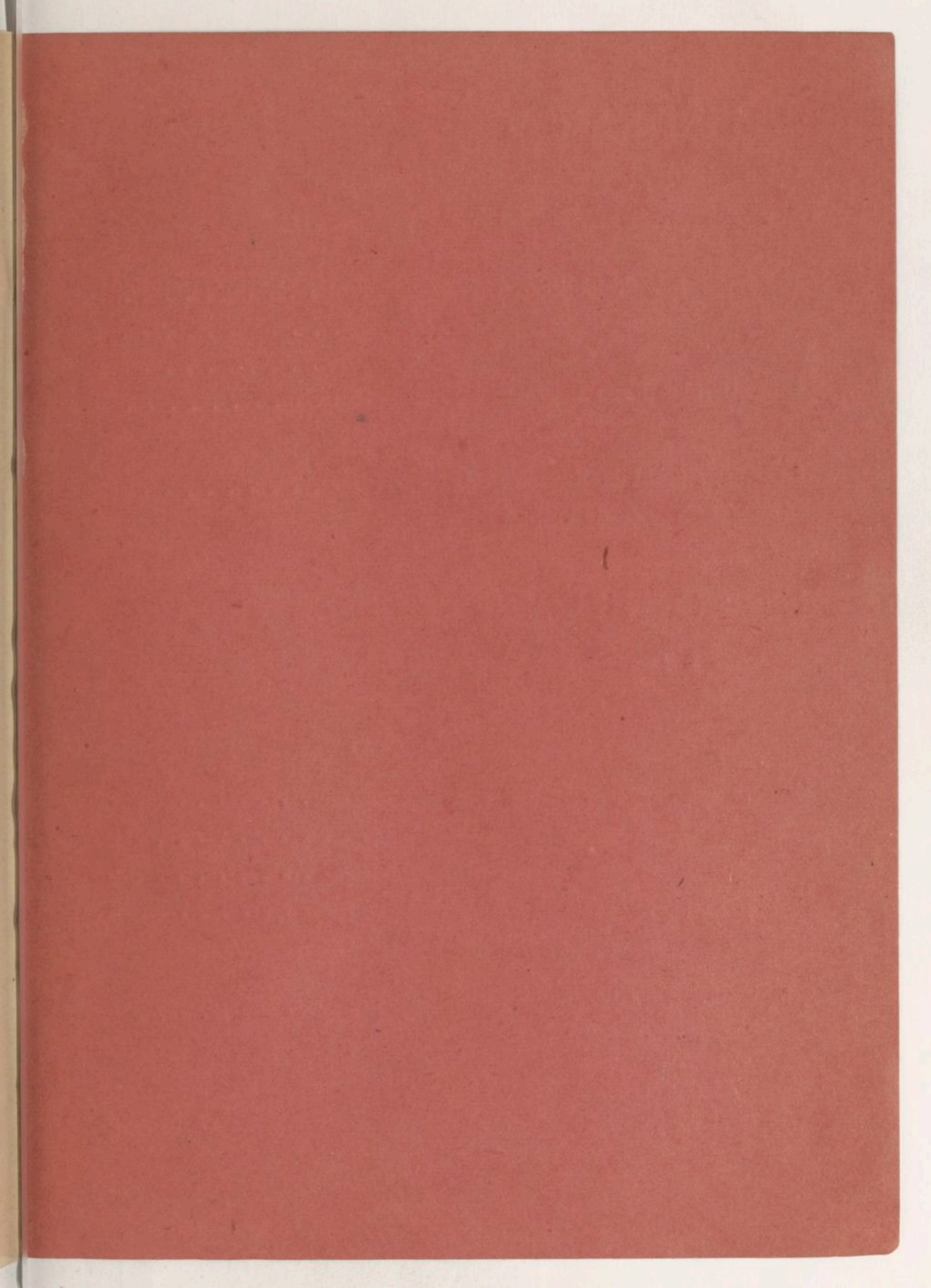
30. — Chọn bạn mà chơi	32
31. — Phải sạch-sẽ	33
32. — Có thứ-tự	34
33. — Phải chú ý	35
34. — Phải làm-lụng	36
35. — Phải chăm học	37
36. — Đưa học-trò xấu	38
37. — Lười biếng	39
38. — Không có thứ-tự	40
39. — Không có ý tứ	41
40. — Tính ương-ngạnh	42
41. — Tính khoe-khoang và hợm mình	43
42. — Tính nhát sợ	44
43. — Tính nói dối	45
44. — Tính nói xấu	46
45. — Tính mách lẻo	47
46. — Tính hay chế-nhạo (nhạo-cợt)	48
47. — Tính ghen	49
48. — Tính tức giận	50
49. — Tàn bạo	51
50. — Tính độc ác	52

HẾT



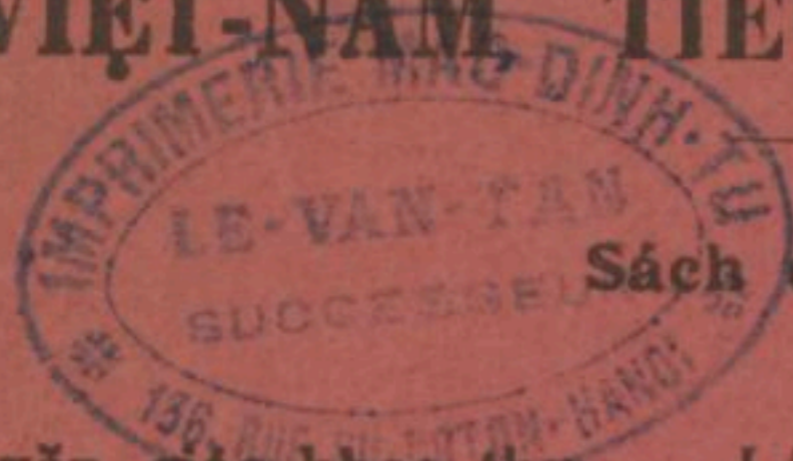
THE UNIVERSITY OF CHICAGO
RESEARCH LIBRARY
540 EAST TAYLOR STREET
CHICAGO, ILL. 60607

IMP. MAC-DINH-TU
LE-VAN-TAN Succ^{re}
HANOI (TONKIN)
Octobre 1925 - 80.000 ex.



*tirage : quatre vingt mille exemplaires
Hanoi, le 16 Novembre 1925*

VIỆT-NAM TIÊU-HỌC TÙNG THƯ



Gram

Sách đã xuất bản:

Giá Nhà-nước bán

Quốc-văn giáo-khoa thư. — Lớp Đồng-ấu	0\$05
— d° — Dự-bị.	0.06
— d° — Sơ-dãng.	0.07
Luân-lý giáo-khoa thư. — Lớp Đồng-ấu	0.04

Sách sắp xuất bản:

Luân-lý giáo-khoa thư: Lớp Dự-bị.	0\$04
— d° — Sơ-dãng	

COLLECTION DES LIVRES CLASSIQUES

à l'usage des Écoles Élémentaires indigènes

Déjà parus:

Prix de cession
par l'Administration

Langue indigene. — Cours Enfantin	0\$05
— d° — Préparatoire	0.06
— d° — Élémentaire.	0.07
Manuel de Morale. — Cours Enfantin	0.04

Pour paraître prochainement:

Manuel de Morale. — Cours Préparatoire	0\$04
— d° — Cours Élémentaire	

IMP. MAC-DINH-TU
LE-VAN-TAN Succ^r
HANOI (TONKIN)
Octobre 1925 - 80.000 ex.